

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Quân sự chung
Mã học phần: 115003
Tên tiếng Anh: General Military

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Quân sự chung
- Mã học phần: 115003 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Tổng: 30 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thực tập: 16 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Chính trị - Quân sự/Trung tâm GDQPAN

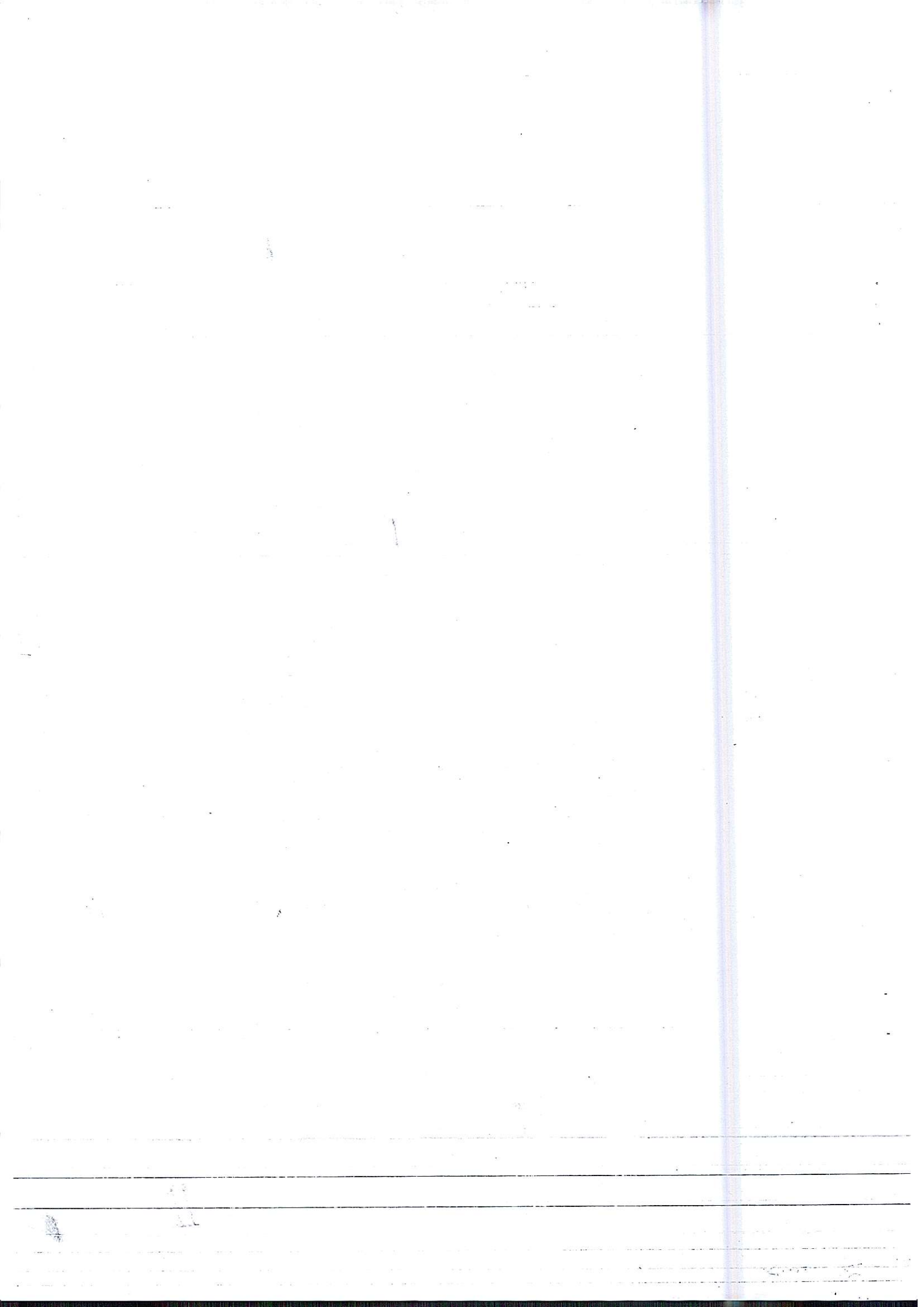
2. Mô tả học phần

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.



+ CO2: Nắm hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

- Kỹ năng

+ CO3: Vận dụng các kiến thức về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...

+ CO4: Xác định phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

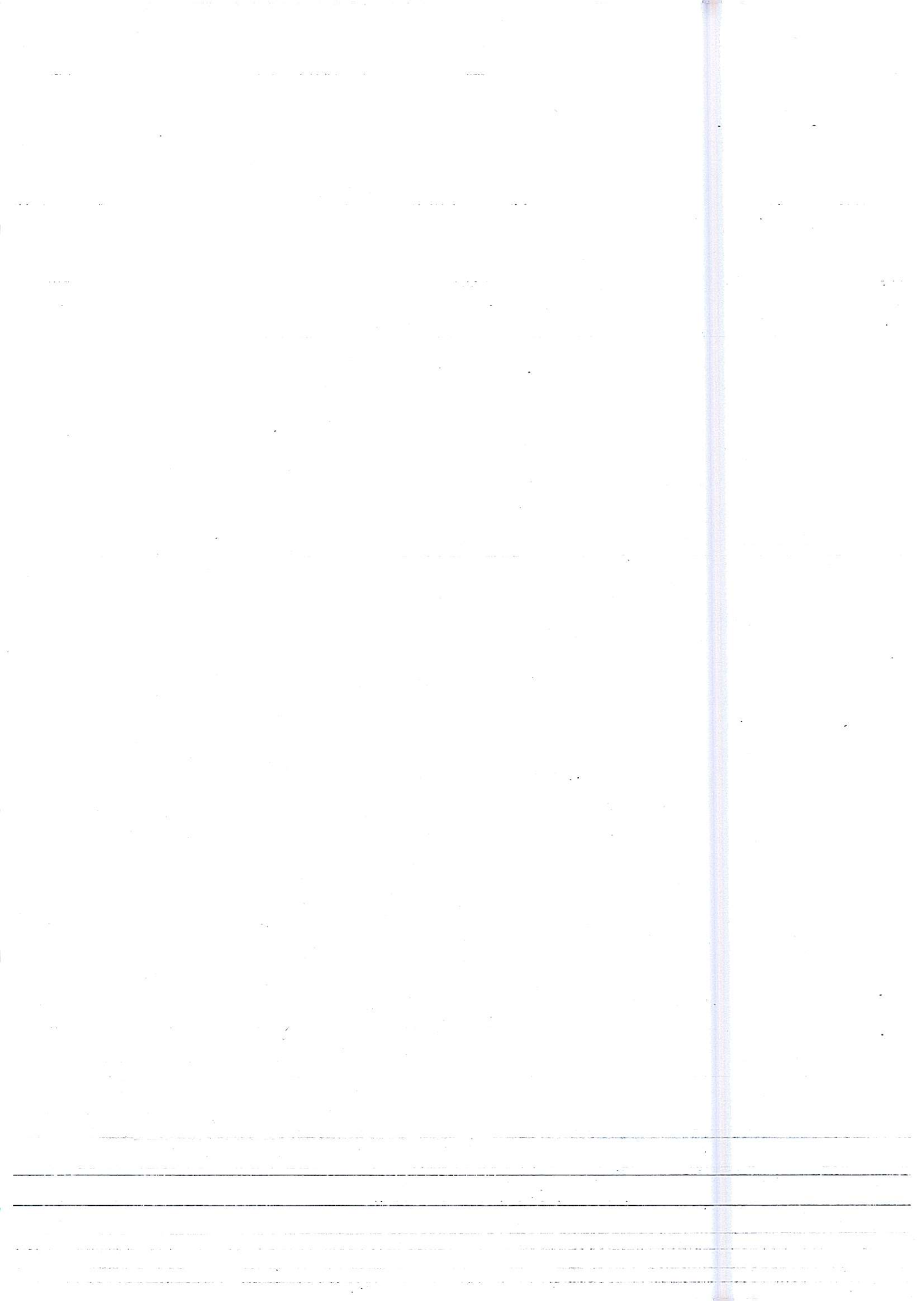
+ CO5: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ CO6: Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN. Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

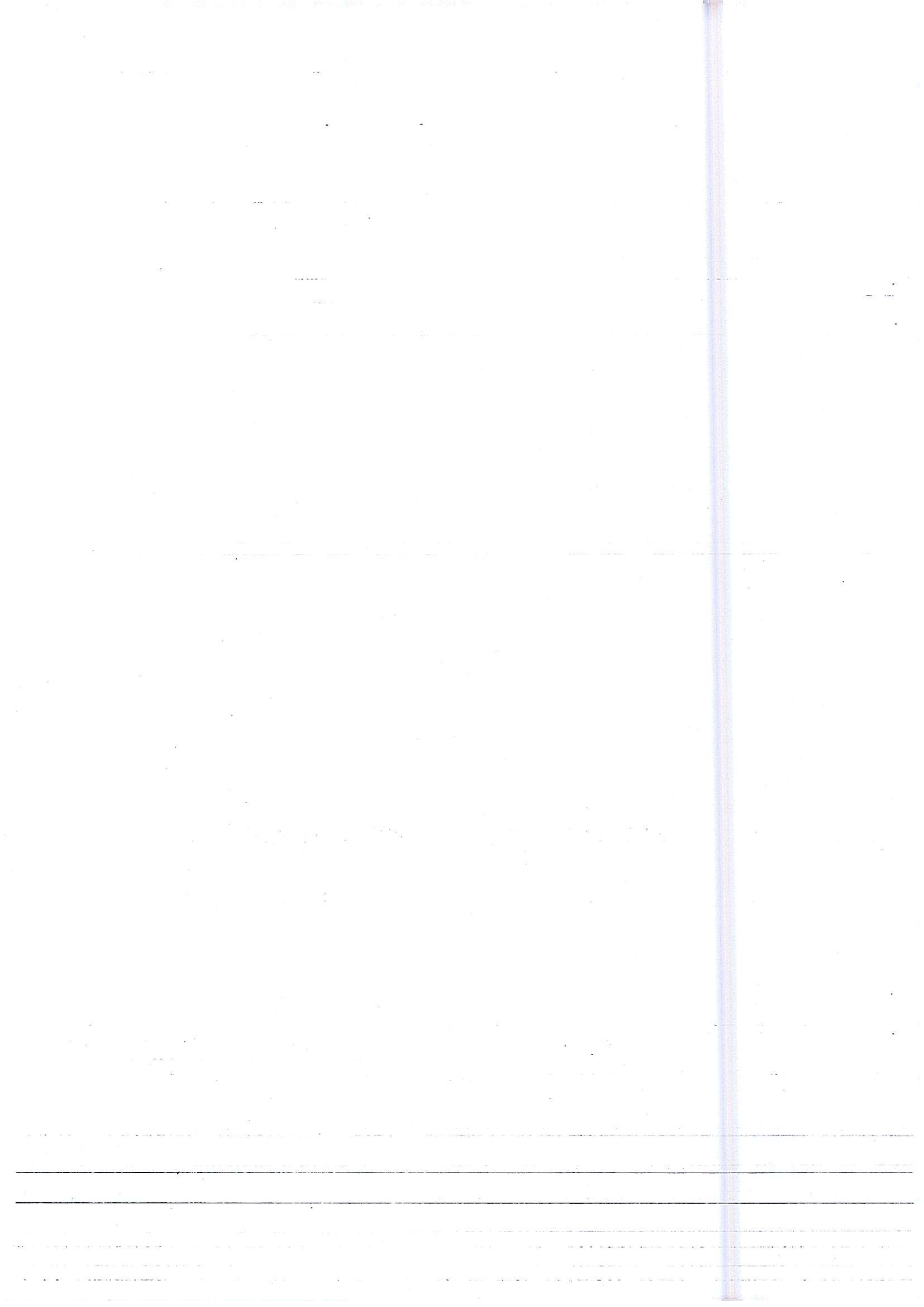
Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1 CO2	CLO1	Phân tích được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Xác định được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.	PLO1	M
CO3 CO4	CLO2	Nhận biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; nội dung phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	PLO1	M



Kỹ năng				
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO3	Thực hiện định hướng bản đồ, xác định điểm đúng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích... Nhận biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao	PLO5	M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO4	Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống	PLO5	M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO5	Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.	PLO5	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO1 CO2 CO3 CO4	CLO8	Xác định được đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.	PLO14	M
CO1 CO2 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO7	Xây dựng tư tưởng trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.	PLO14	M
CO1 CO2 CO5 CO6	CLO8	Hình thành thói quen tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

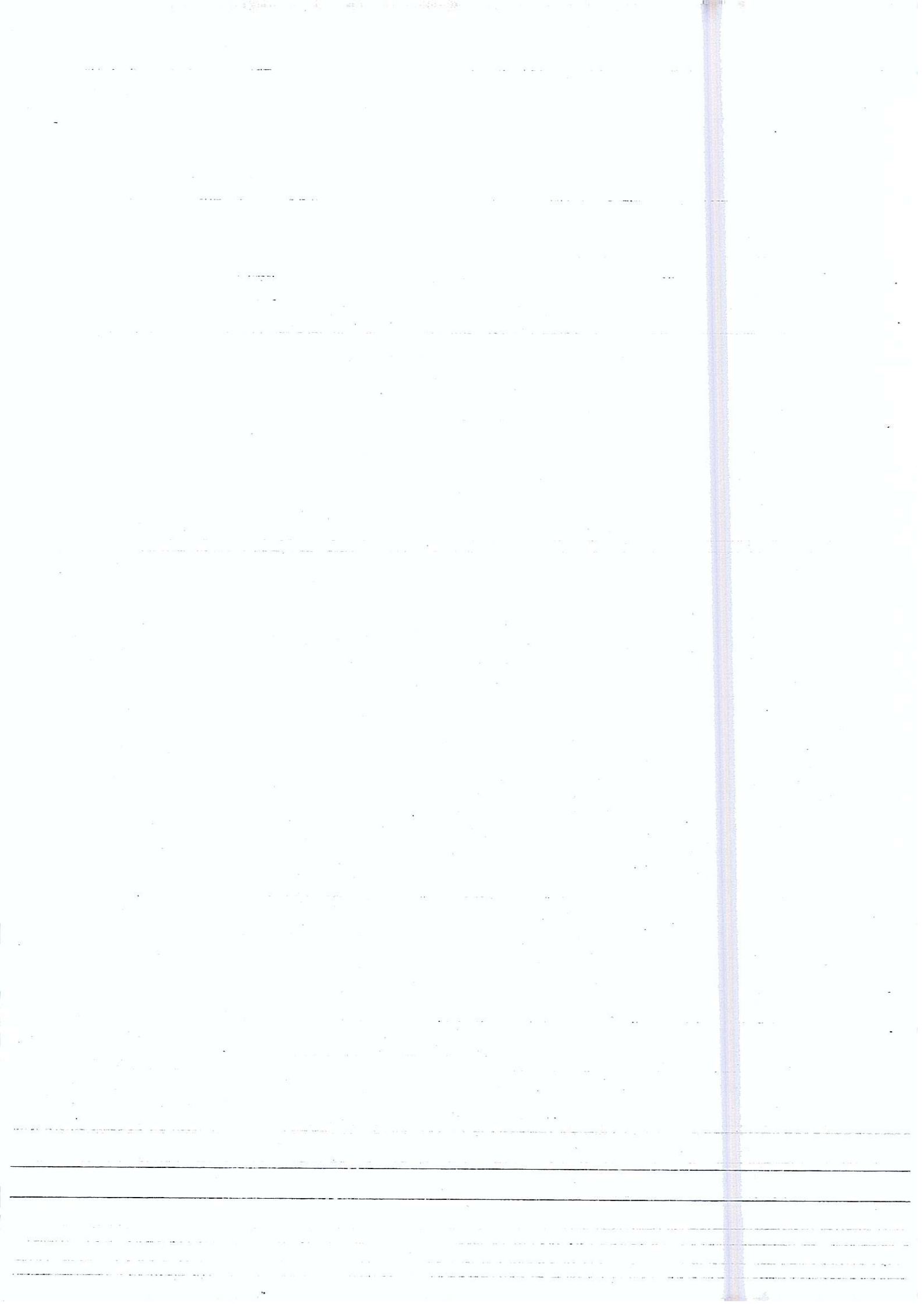
Giáo trình chính:	[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2016. [2] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt
-------------------	---



	Nam 2012.
Tài liệu tham khảo:	<p>[1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.</p> <p>[2] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p> <p>[3] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.</p> <p>[4] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[5] Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[6] Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.</p> <p>[7] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.</p> <p>[8] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.</p> <p>[9] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.</p> <p>[10] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.</p>
Các loại học liệu khác	

6. . Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

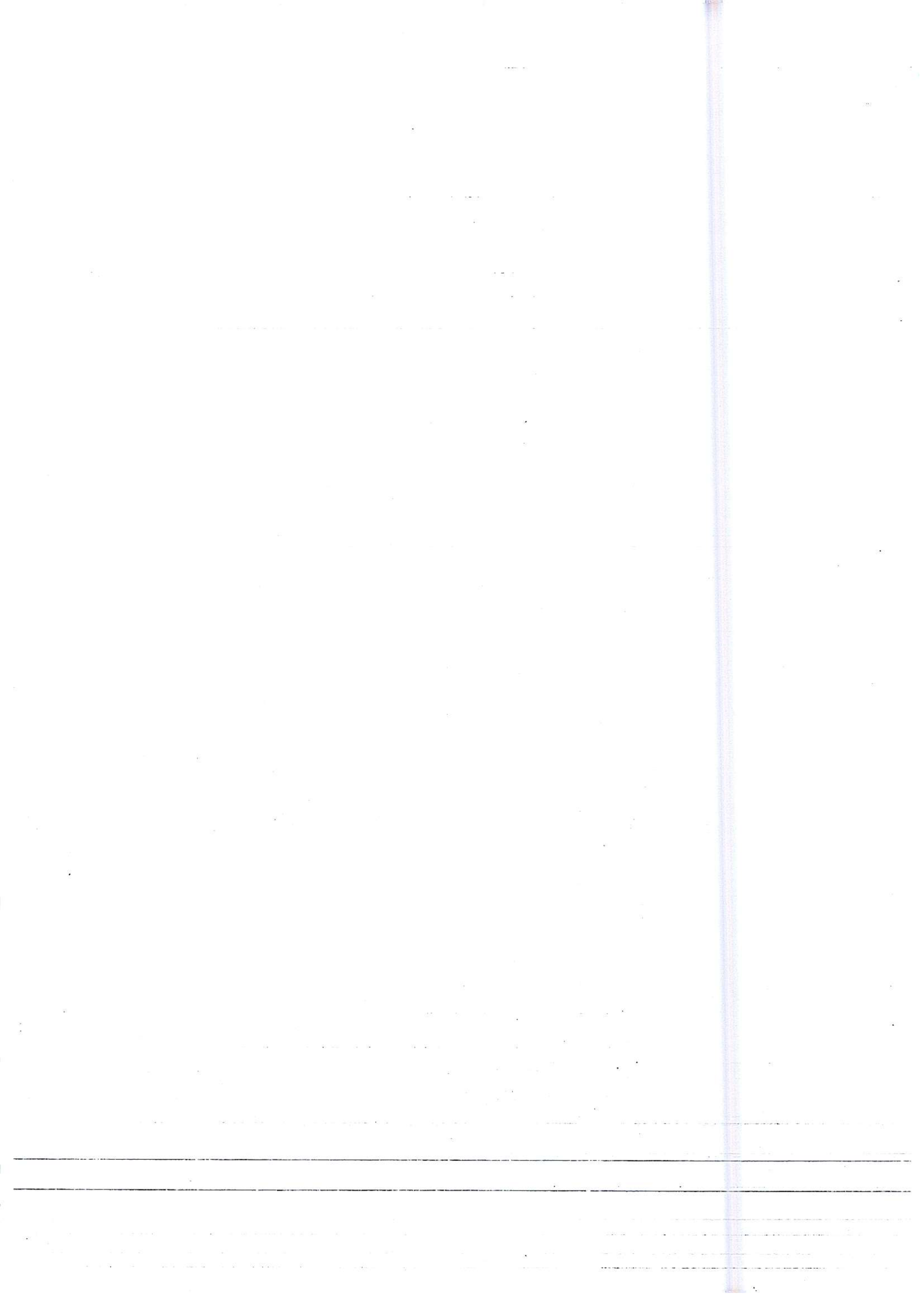
Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1 CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1 CLO2, CLO3



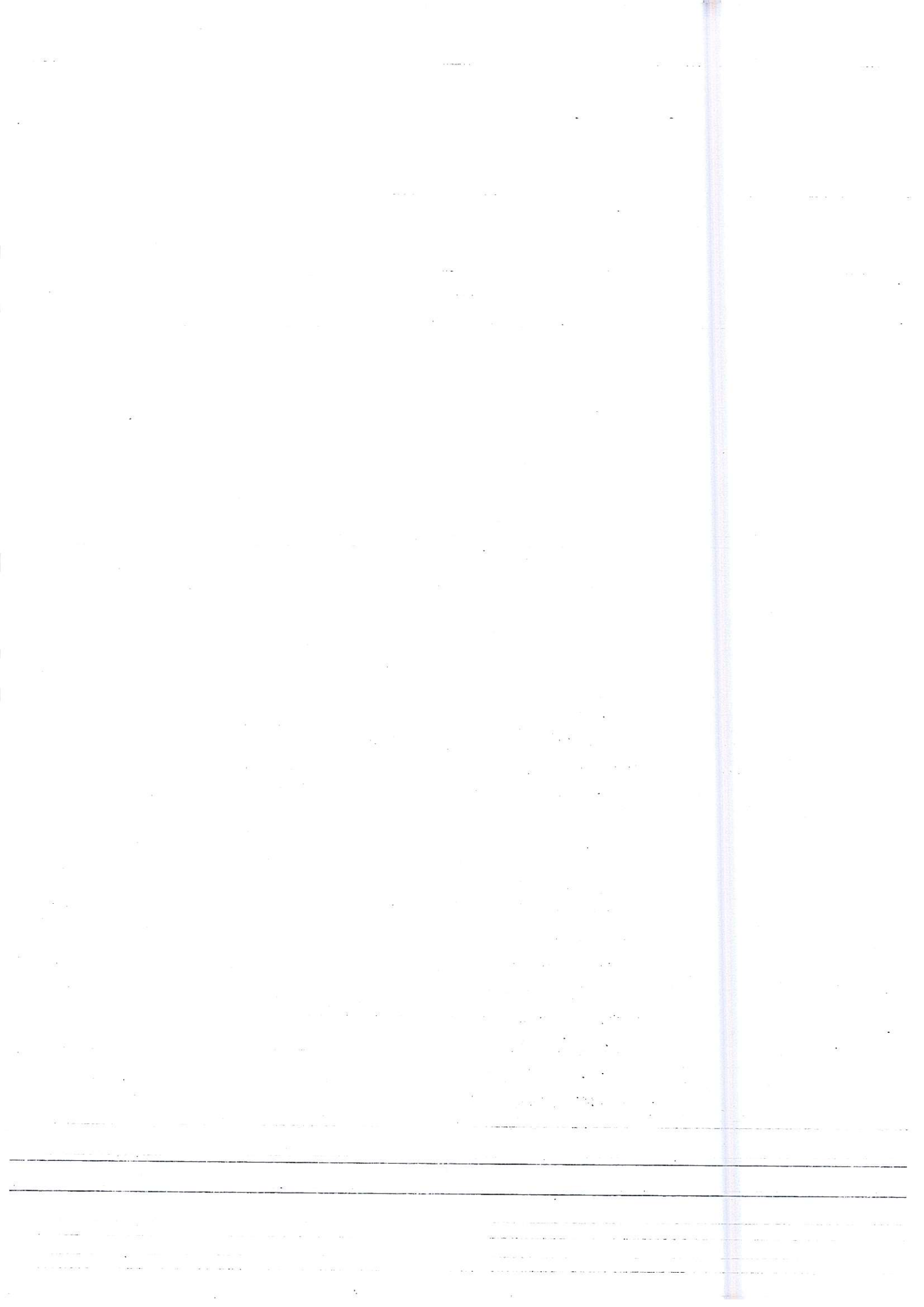
		CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

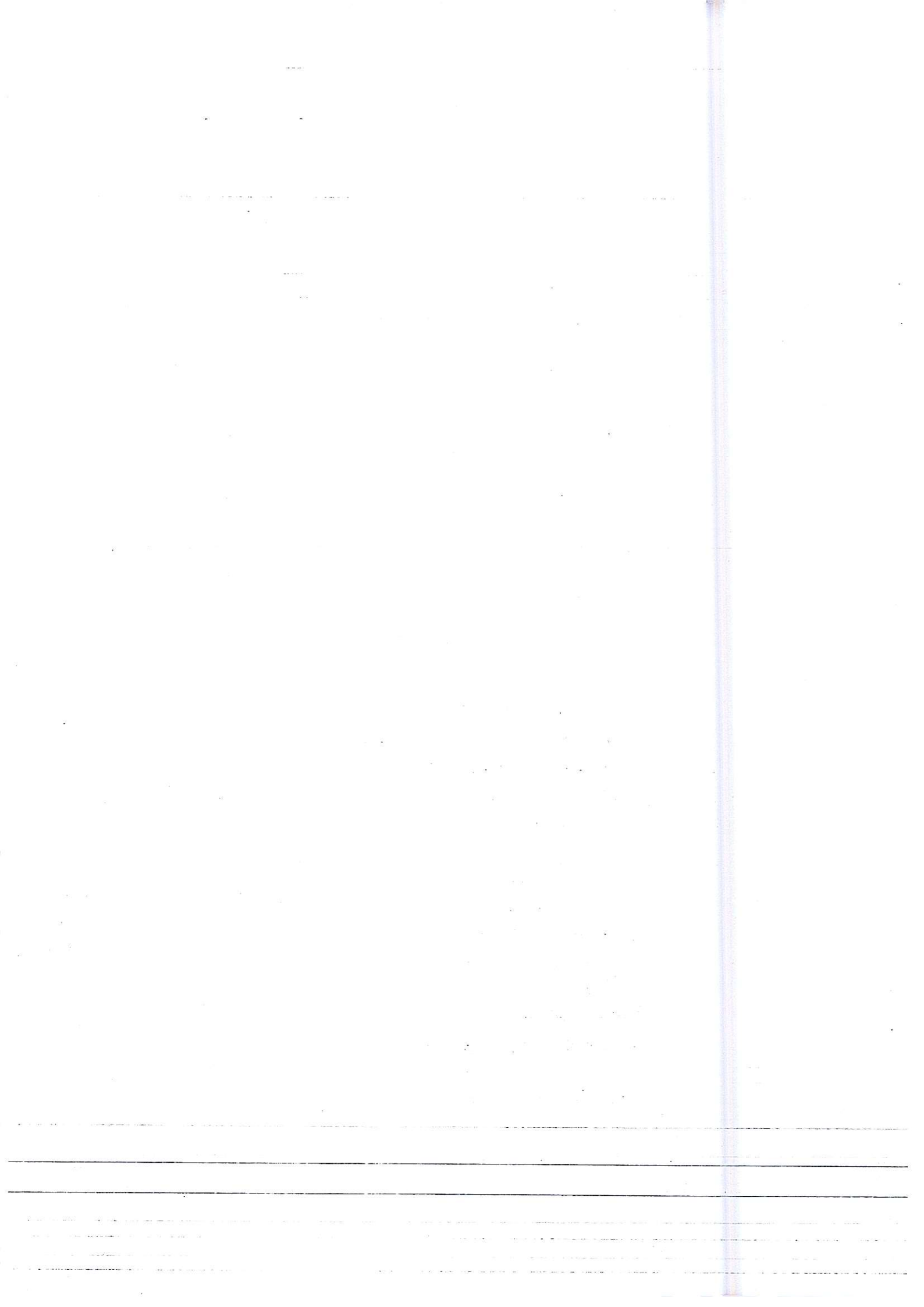
Bài học	Nội dung	CĐR học phần
[Bài 1] [2 tiết]	<p>Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần</p> <p>1. Chế độ sinh hoạt, học tập trong ngày</p> <p>1.1. Treo Quốc kỳ</p> <p>1.2. Thức dậy</p> <p>1.3. Thẻ dự sáng</p> <p>1.4. Kiểm tra sáng</p> <p>1.5. Học tập</p> <p>1.6. Ăn uống</p> <p>1.7. Lau vũ khí, khí tài, trang bị</p> <p>1.8. Thể thao, tăng gia sản xuất</p> <p>1.9. Đọc báo, nghe tin</p> <p>1.10. Điềm danh, điếm quân số</p> <p>1.11. Ngủ, nghỉ</p> <p>2. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong tuần</p> <p>2.1. Chào cờ, duyệt đội ngũ</p> <p>2.2. Thông báo chính trị</p> <p>2.3. Tổng vệ sinh doanh trại</p>	CLO1 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
[Bài 2] [2 tiết]	<p>Các chế độ, nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</p> <p>1. Một số chế độ công tác của người chỉ huy</p> <p>1.1. Chế độ trách nhiệm</p> <p>1.2. Chế độ xây dựng và quản lý kế hoạch</p> <p>1.3. Chế độ giao, nhận công tác</p> <p>1.4. Chế độ kiểm tra</p> <p>1.5. Chế độ báo cáo, thông báo</p> <p>1.6. Chế độ tự phê bình và phê bình</p> <p>2. Nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</p> <p>2.1. Điều 91 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.2. Điều 92 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7



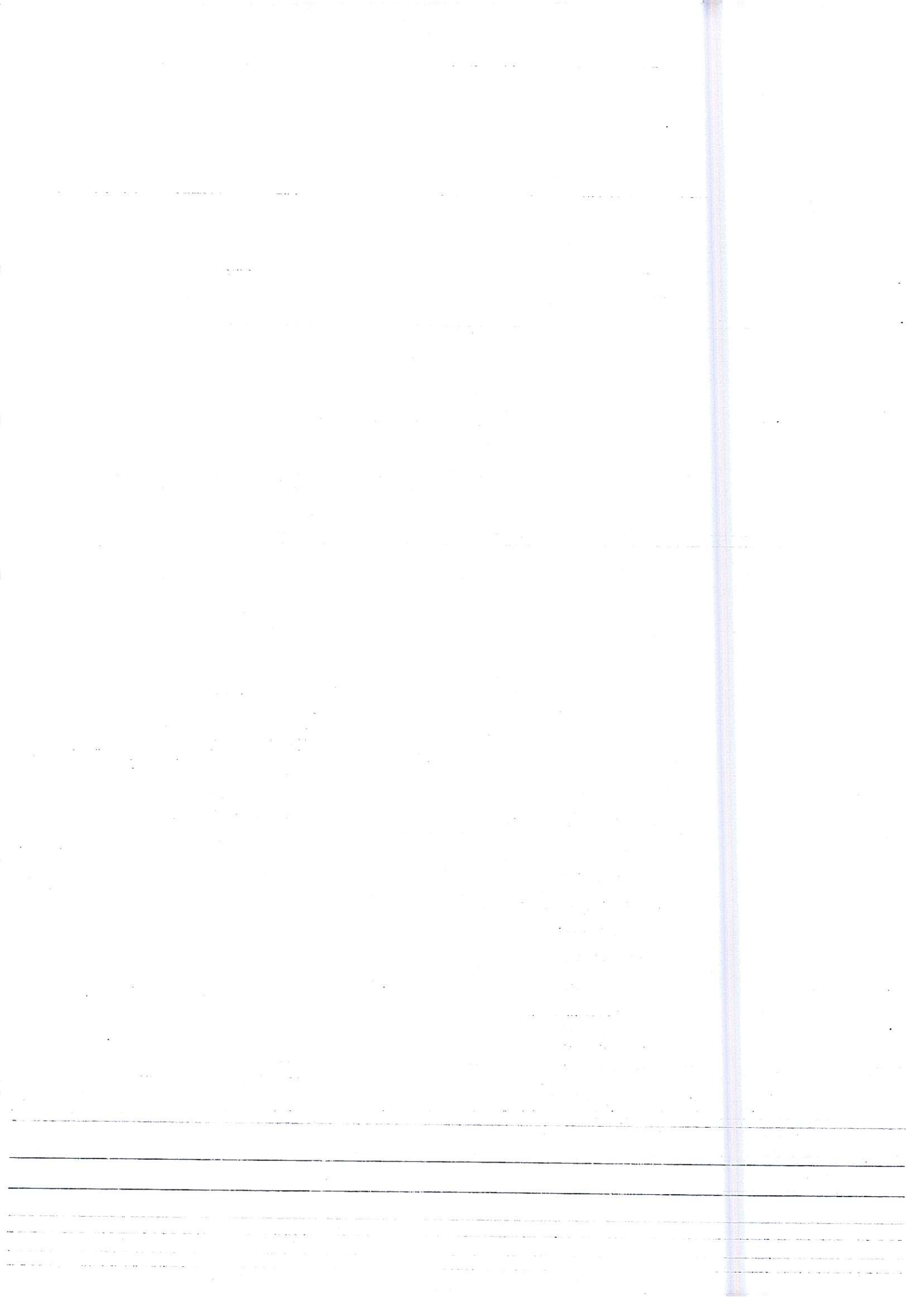
	<p>2.3. Điều 93 (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.4. Điều 94 (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.5. Nhà ngủ (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.6. Nhà học tập, làm việc (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.7. Nhà ăn, nhà bếp (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.8. Ánh sáng ban đêm (điều lệnh quản lý bộ đội) 2.9. Tiếp khách (điều lệnh quản lý bộ đội)</p>	
<p>[Bài 3] [4 tiết]</p>	<p>Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội 1. Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng 1.1. Công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội, công an 1.1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam 1.1.2. CTĐ, CTCT trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam 1.1.3. Công tác tư tưởng của Đảng trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam 1.1.4. Công tác tổ chức trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam 1.2. Hiểu biết chung về quân, binh chủng 1.2.1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong QĐNDVN 1.2.2. Hiểu biết về quân chủng, binh chủng trong QĐNDVN 1.2.3. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CANDVN 1.2.4. Hiểu biết về các lực lượng trong CANDVN</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO7</p>
<p>[Bài 4] [4 tiết]</p>	<p>Điều lệnh đội ngũ từng người có súng 1. Động tác khám súng và khám súng xong của súng tiểu liên ak 1.1. Động tác khám súng và khám súng xong của súng tiểu liên AK (ở tư thế mang súng) 1.1.1. Động tác khám súng 1.1.2. Động tác khám súng xong 1.2. Động tác khám súng và khám súng xong súng tiểu liên (ở tư thế kẹp súng) 1.2.1. Động tác khám súng 1.2.2. Động tác khám súng xong 2. Động tác mang súng, xuống súng tiểu liên ak 2.1. Động tác mang súng 2.2. Động tác xuống súng 3. Nghiêm nghỉ, quay tại chỗ có súng</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>



	<p>3.1. Động tác nghiêm, nghỉ</p> <p>3.1.1. Động tác nghiêm, nghỉ</p> <p>3.1.1.1. Động tác nghiêm</p> <p>3.1.1.2. Động tác nghỉ</p> <p>3.1.2. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên</p> <p>3.1.2.1. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)</p> <p>3.1.2.2. Động tác nghiêm, nghỉ khi giữ súng tiểu liên</p> <p>3.1.2.3. Động tác nghiêm, nghỉ ở tư thế kẹp súng</p> <p>3.2. Quay tại chỗ</p> <p>3.2.1. Ý nghĩa</p> <p>3.2.2. Động tác quay tại chỗ có súng tiểu liên</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	
<p>[Bài 5] [4 tiết]</p>	<p>Điều lệnh đội ngũ đơn vị</p> <p>1. Đội hình tiểu đội</p> <p>1.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang</p> <p>1.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc</p> <p>2. Đội hình trung đội</p> <p>2.1. Đội hình trung đội hàng ngang</p> <p>2.2. Đội hình trung đội hàng dọc</p> <p>3. Đổi hướng đội hình</p> <p>3.1. Đổi hướng khi đang đứng tại chỗ</p> <p>3.2. Đổi hướng khi đang đi</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>
<p>[Bài 6] [4 tiết] [LT2tiết] [TH2tiết]</p>	<p>Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự</p> <p>1. Bản đồ địa hình quân sự</p> <p>1.1. Khái niệm, ý nghĩa</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa</p> <p>2. Phân loại, cấu tạo bản đồ địa hình quân sự</p> <p>2.1. Phân loại bản đồ địa hình quân sự</p> <p>2.2. Cấu tạo của bản đồ</p> <p>3. Cơ sở toán học của bản đồ địa hình</p> <p>3.1. Tỷ lệ bản đồ</p> <p>3.2. Phép chiếu bản đồ</p> <p>3.3. Các phép chiếu hình</p> <p>4. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ</p> <p>4.1. Phép chiếu hình Gauss</p>	<p>CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8</p>



	<p>4.2. Phép chiếu hình UTM</p> <p>5. Cách ghép, dán, gấp bản đồ</p> <p>5.1. Chắp ghép bản đồ</p> <p>5.2. Cách dán bản đồ</p> <p>6. Sử dụng Bản đồ địa hình quân sự</p> <p>6.1. Đo cự ly, diện tích</p> <p>6.2. Đo cự ly</p> <p>6.3. Đo diện tích</p> <p>7. Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu</p> <p>7.1 Xác định tọa độ địa lý</p> <p>7.2. Xác định tọa độ vuông góc</p> <p>8. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa</p> <p>8.1. Định hướng bản đồ</p> <p>8.2. Xác định điểm đúng trên bản đồ</p> <p>8.3. Xác định tọa độ mục tiêu lên bản đồ</p>	
<p>[Bài 7] [4 tiết] [LT2tiết] [TH2tiết]</p>	<p>Phòng tránh địch tiên công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao</p> <p>2.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p> <p>2.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiên công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>2.2.1. Biện pháp thụ động</p> <p>2.2.2. Biện pháp chủ động</p> <p>3. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>3.1. Nội dung</p> <p>3.2. Thời gian</p> <p>3.3. Tổ chức</p> <p>3.4. Phương pháp</p> <p>3.5. Địa điểm</p> <p>3.6. Vật chất</p> <p>3.7. Ký, tín hiệu</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8</p>

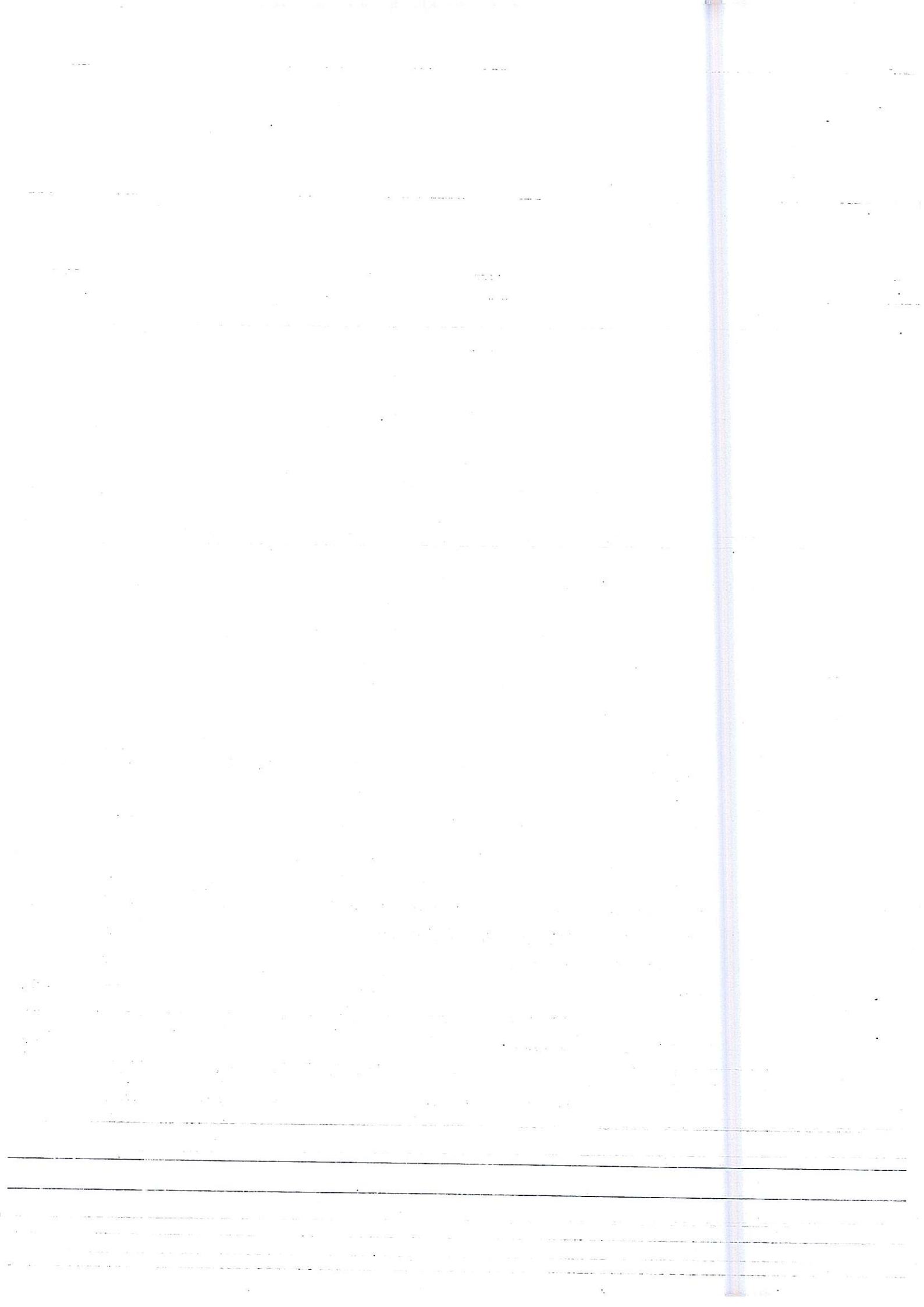


[Bài 8] [6 tiết] [LT2tiết] [TH4tiết]	BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP 1. Điều lệ 1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu 1.1.1. Đặc điểm 1.1.2. Điều kiện thi đấu 2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi 2.1. Trách nhiệm của người dự thi 2.2. Quyền hạn của người dự thi 2.3. Trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 2.3.1. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng) 2.3.2. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 2.4. Thủ tục khiếu nại. 2.5. Xác định thành tích xếp hạng 3. Quy tắc thi đấu. 3.1. Quy tắc chung 3.2. Quy tắc thi đấu các môn 3.2.1. Bắn súng quân dụng 3.2.2. Ném lựu đạn xa, đúng hướng 3.2.3. Chạy vũ trang 3.3. Cách tính thành tích 3.3.1. Cách tính điểm và xếp hạng 3.3.2. Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
---	--	------------------------------

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (<i>Chuyên cần + Kiểm tra giữa học phần/2</i>)	- Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết... - Một vài nội dung cơ bản về “Điều lệnh đội ngũ từng người có súng”.	Suốt quá trình học Kết thúc bài 4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO8	Chuyên cần 20% Kiểm tra 20%
2	Thi cuối kỳ	- Hình thức thi (Theo kế hoạch và tình hình thực tiễn để	Theo kế hoạch của Trung tâm	CLO1 CLO2	60%



	lựa chọn): + Vấn đáp (trực tiếp) + Tự luận (online, trực tiếp) - Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 3 “Quân sự chung”.		CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
--	---	--	--

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

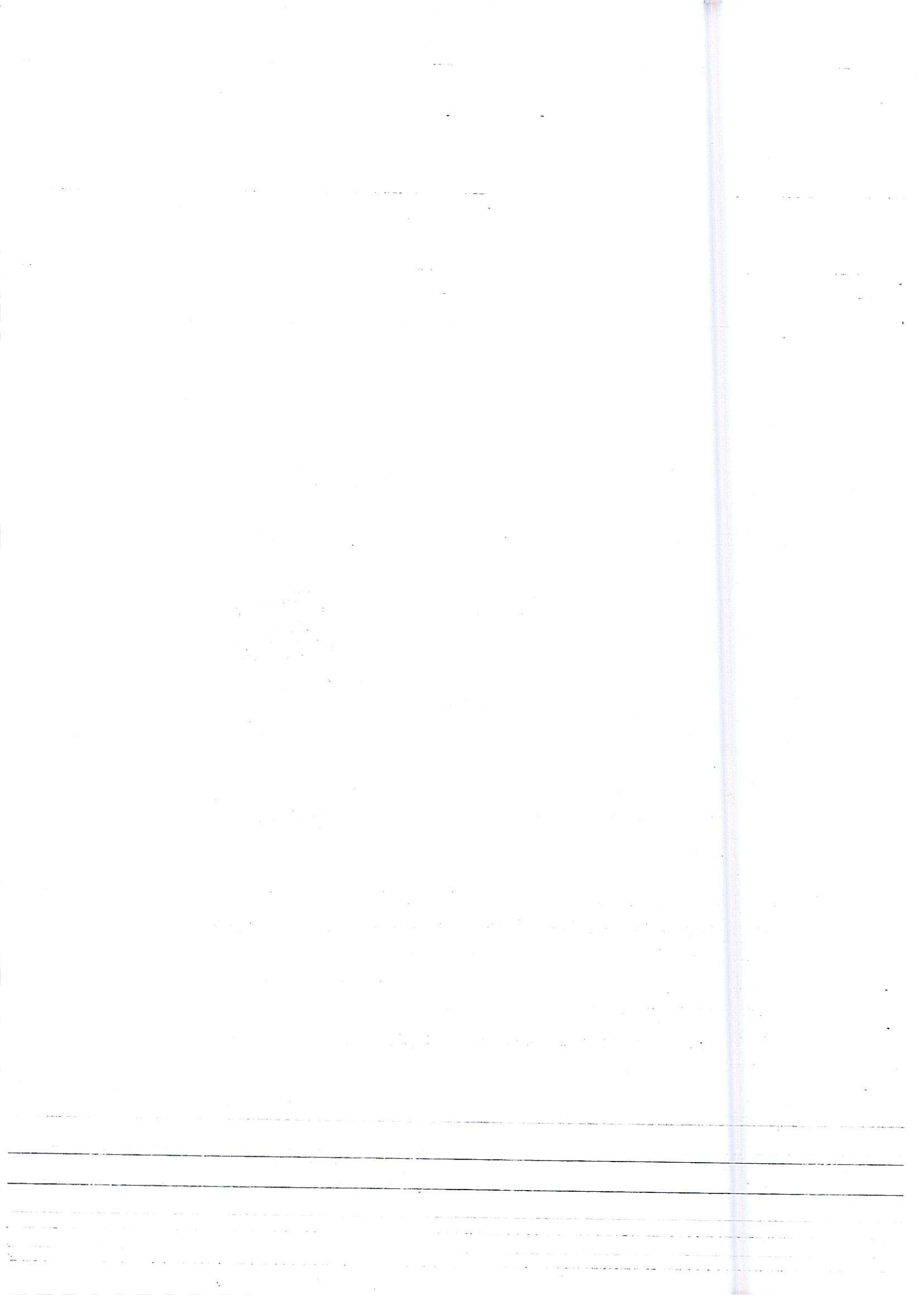
- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719



10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định - Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

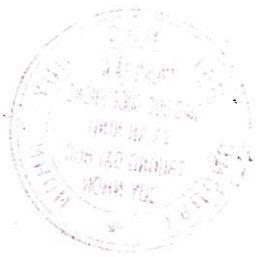
P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khương

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

TS. Nguyễn Thanh Hùng



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật
Mã học phần: 115004
Tên tiếng Anh: Infantry Combat Techniques and Tactics

1. Thông tin chung về học phần:

-
- Tên học phần: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**
 - Mã học phần: 115004 Số tín chỉ: 02
 - Loại học phần: Bắt buộc
 - Các học phần học trước: Không
 - Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
 - Vận giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Tổng: 60 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 4 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thực tập: 56 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
 - Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Chính trị - Quân sự/ Trung tâm GDQP&AN

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

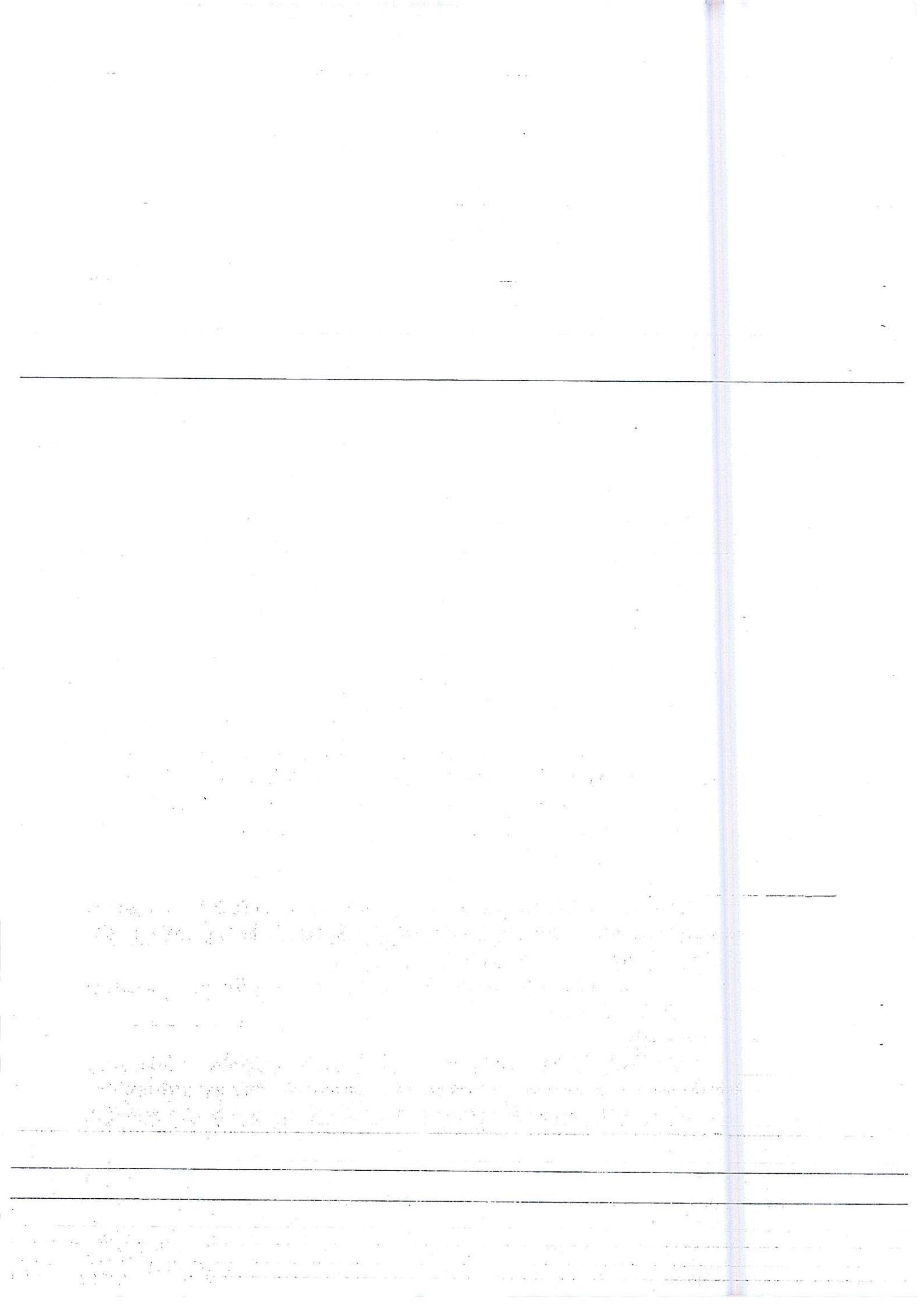
+ CO1: Hiểu biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch; về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.

+ CO2: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.

- Kỹ năng

+ CO3: Sinh viên xác định các loại tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

+ CO4: Vận dụng thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành



bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

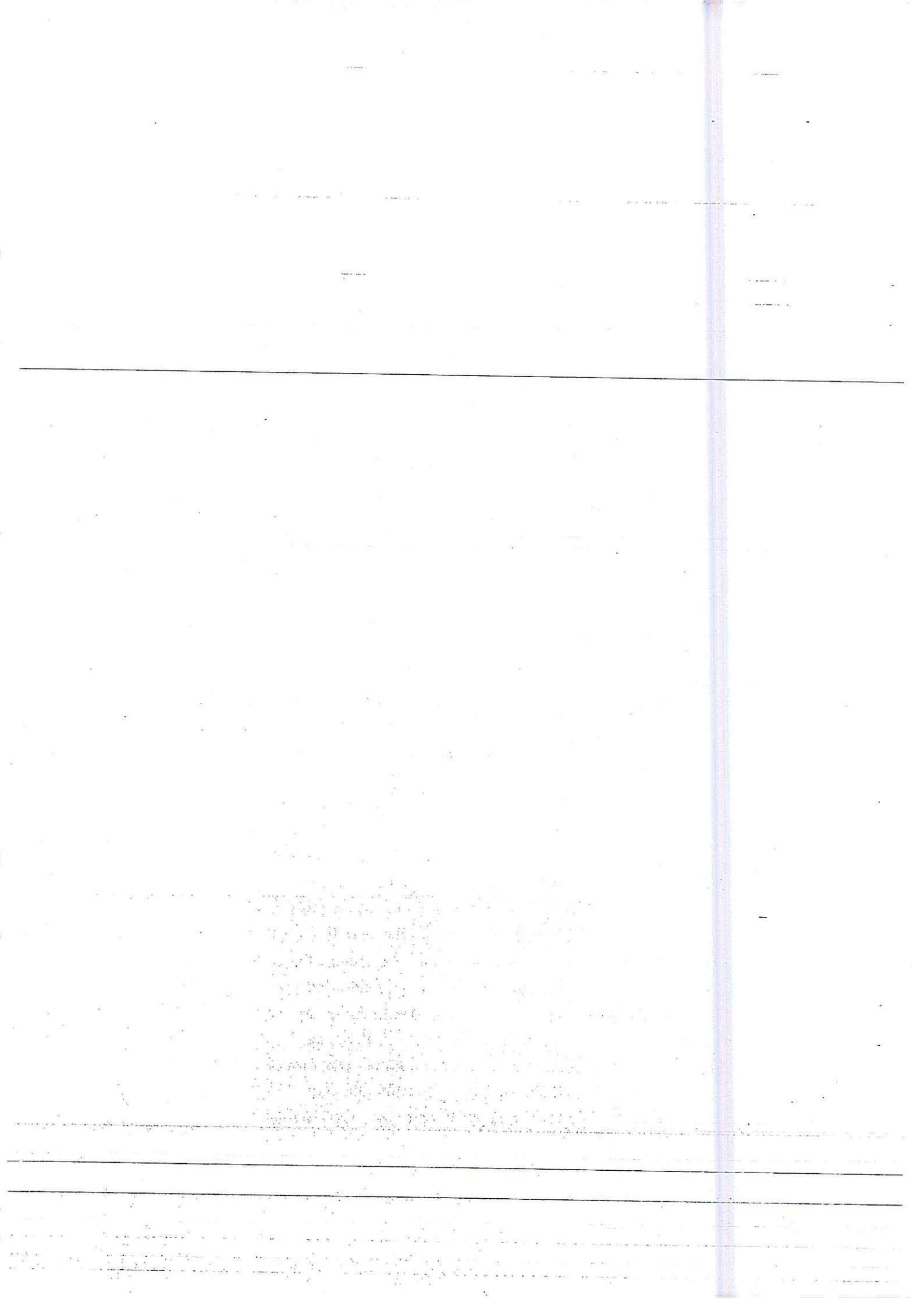
+ CO5: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ CO6: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN. Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

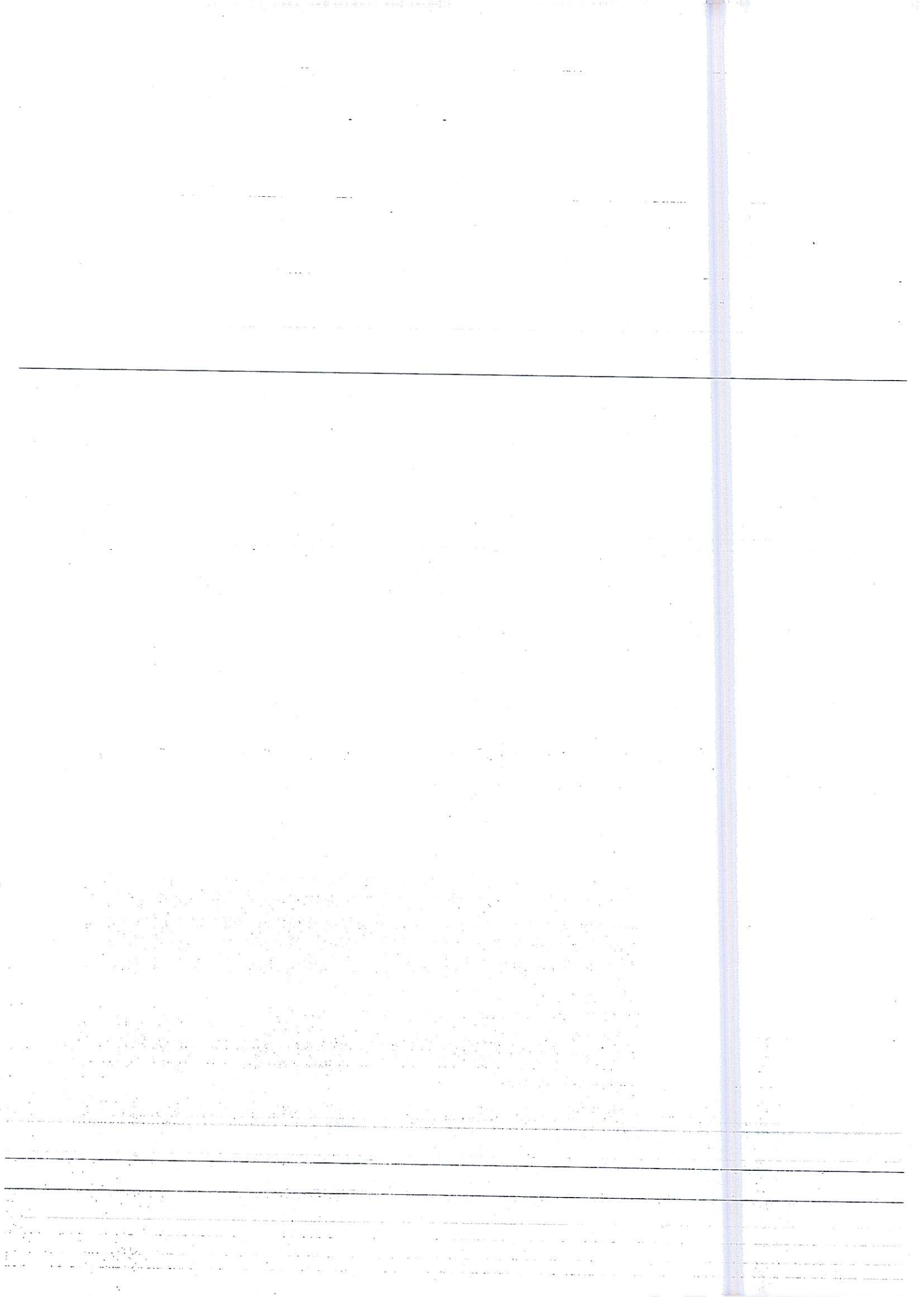
Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1 CO2	CLO1	Hiểu biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch. Nhận biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.	PLO1	L
CO1 CO2 CO3	CLO2	Vận dụng được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.	PLO1	L
Kỹ năng				
CO1 CO2 CO3 CO4	CLO3	Xác định và vận dụng các tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.	PLO5	M
CO1 CO2 CO3 CO4 CO5	CLO4	Phân tích và thực hiện thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch phòng ngự cũng như thực hành phòng	PLO5	M



		ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO5	Xác định được đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.	PLO14	M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO6	Xây dựng tư tưởng trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	PLO14	M M
CO6		Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.		
CO1 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO7	Hình thành thói quen tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2016.</p> <p>[2] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.</p>
Tài liệu tham khảo:	<p>[1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.</p> <p>[2] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p> <p>[3] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.</p> <p>[4] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[5] Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[6] Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý</p>



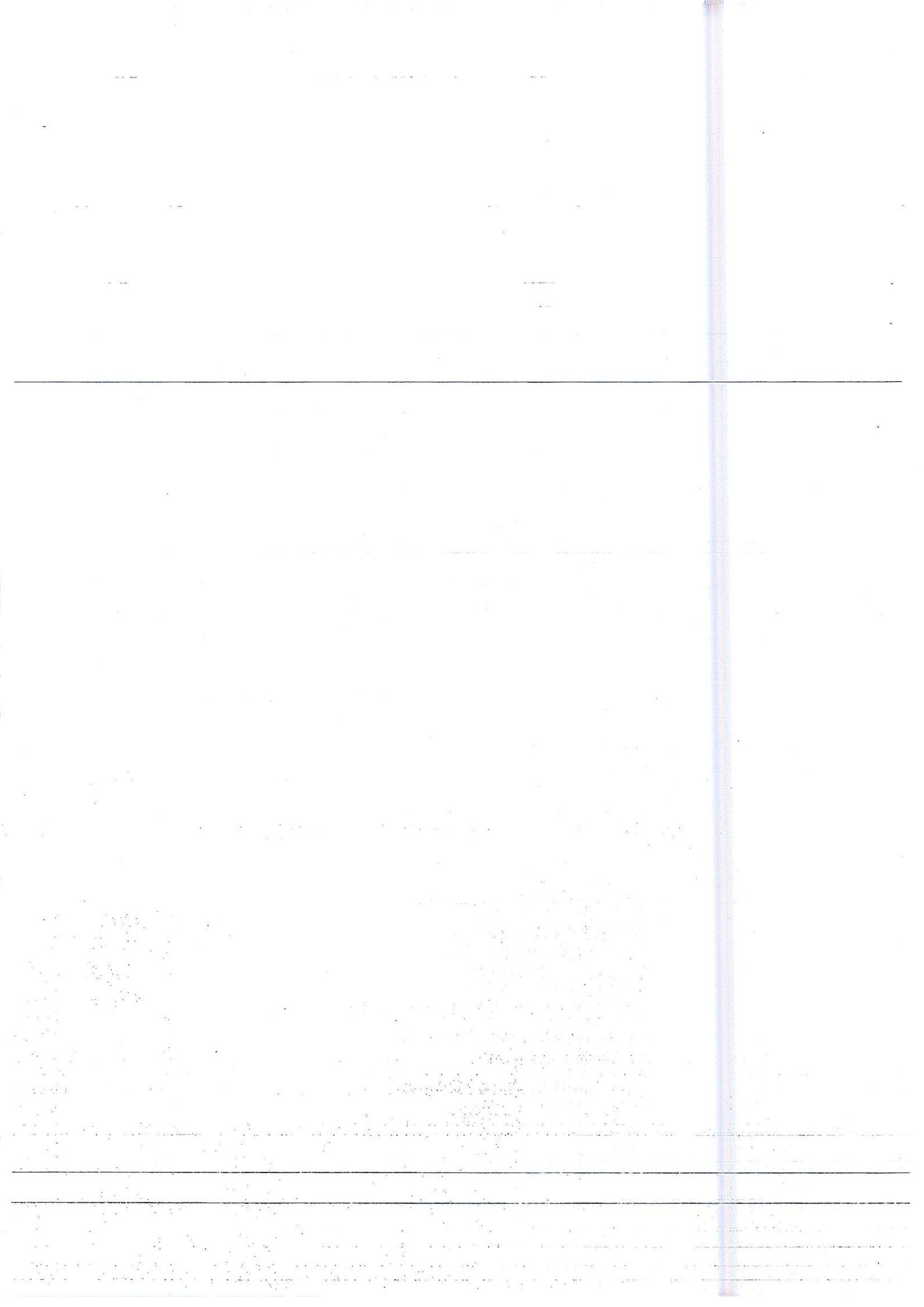
	luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009. [7] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011. [8] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997. [9] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000. [10] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.
Các loại học liệu khác	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

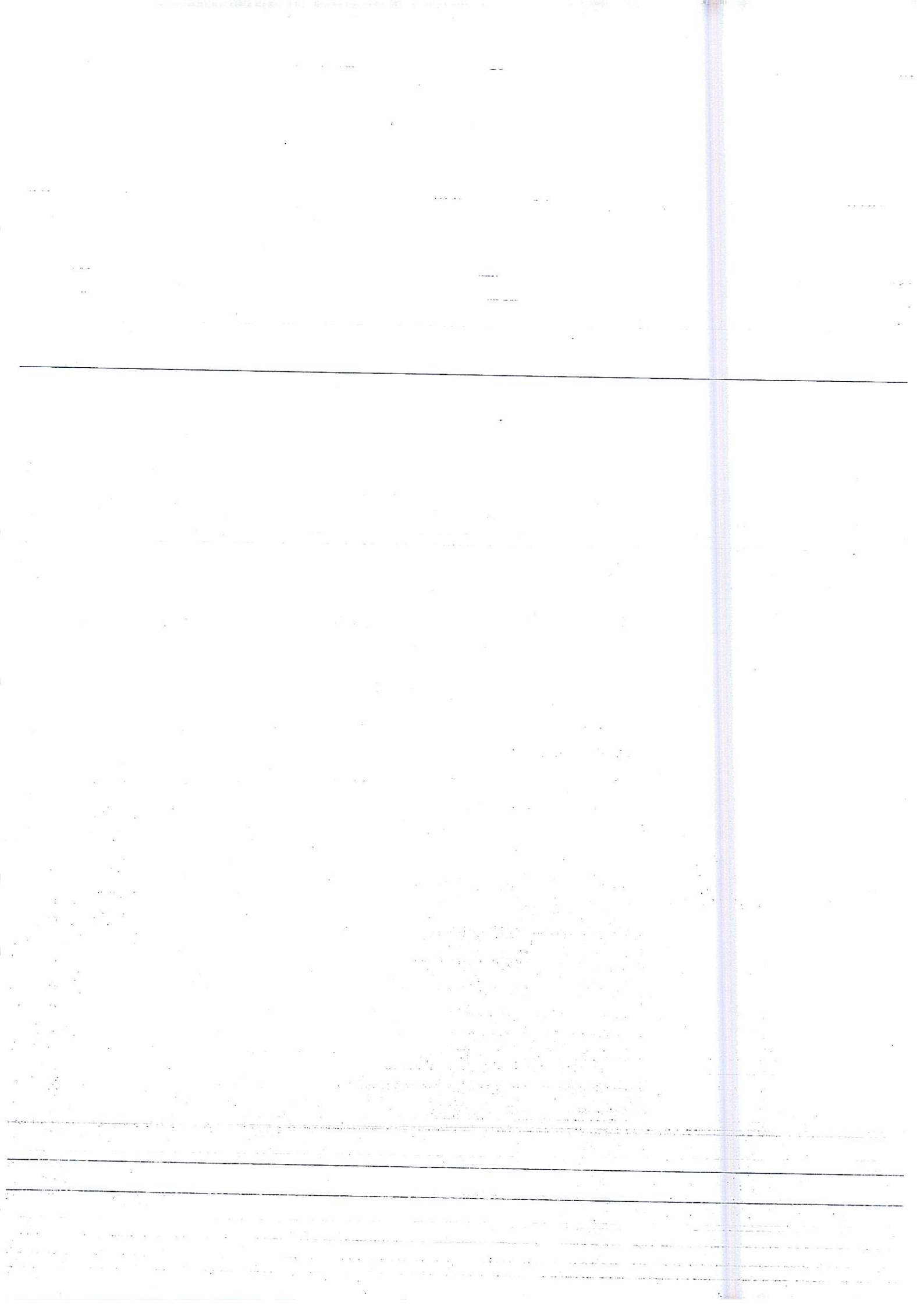
Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

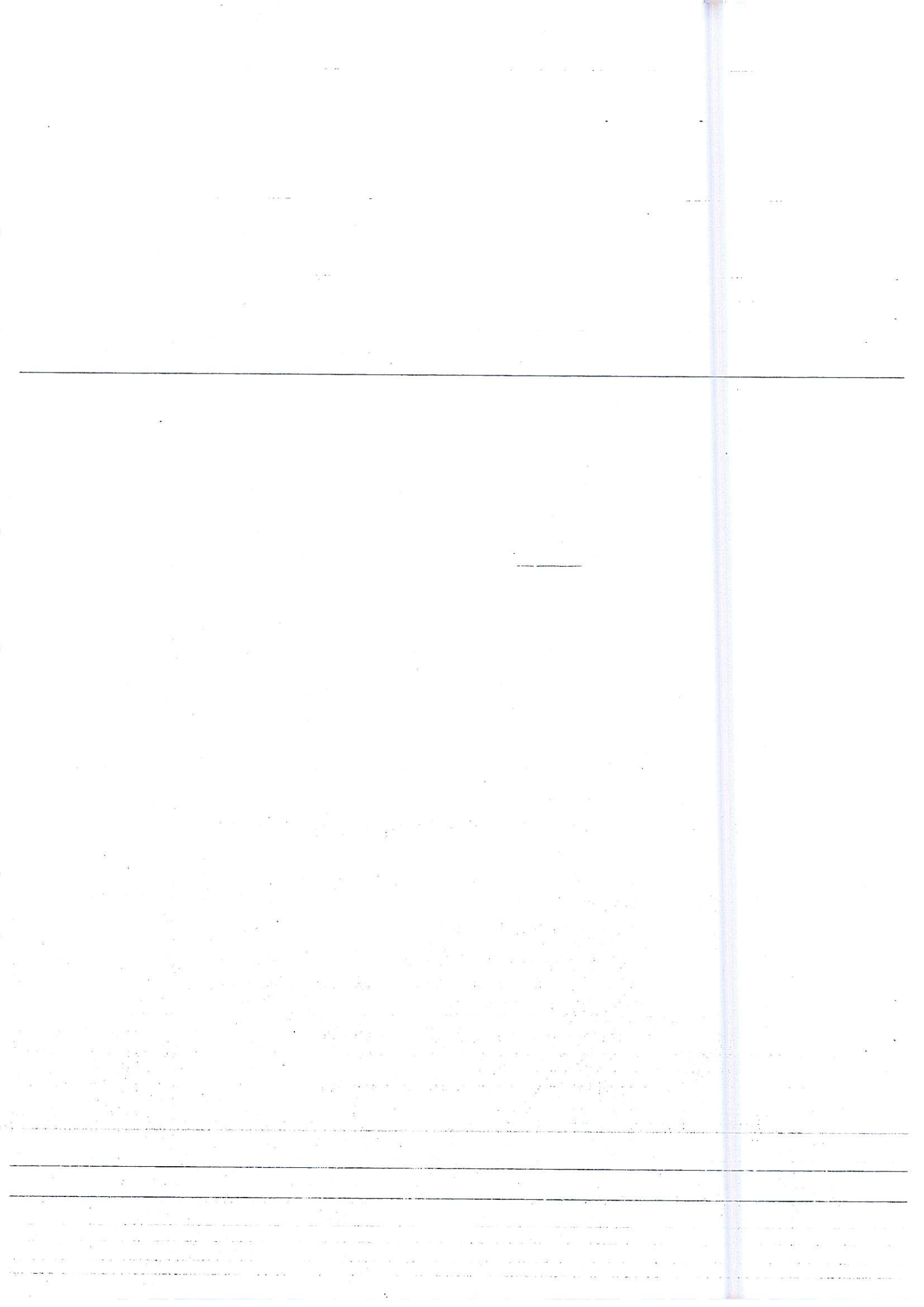
Bài học	Nội dung	CĐR học phần
[Bài 1] [24 tiết] [LT2tiết] [TH22tiết]	KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK 1. Ngắm bắn 1.1. Khái niệm 1.2. Định nghĩa về ngắm bắn 1.3. Đường ngắm cơ bản 1.4. Điểm ngắm đúng 1.5. Đường ngắm đúng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả bắn 2.1. Đường ngắm cơ bản sai lệch 2.2. Điểm ngắm sai 2.3. Mặt súng không thẳng bằng 2.4. Ảnh hưởng của gió	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6



	<p>3. Tư thế động tác nắm bắn, bắn và thôi bắn</p> <p>3.1. Động tác nắm bắn</p> <p>3.2. Động tác bắn</p> <p>3.3. Động tác thôi bắn</p> <p>4. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK</p> <p>4.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu</p> <p>4.1.1. Ý nghĩa</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.1.3. Yêu cầu</p> <p>4.2. Phương án tập bắn</p>	
	<p>4.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm</p> <p>4.3.1. Căn cứ</p> <p>4.3.2. Cách chọn</p> <p>4.4. Cách thực hành tập bắn</p> <p>4.5. Điều kiện kiểm tra và cách tiến hành kiểm tra</p> <p>4.5.1. Điều kiện kiểm tra</p> <p>4.5.2. Cách tiến hành kiểm tra bắn mục tiêu thu nhỏ bằng súng laze</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	
<p>[Bài 2] [8tiết] [LT2tiết] [TH6tiết]</p>	<p>Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Giới thiệu một số lựu đạn Việt Nam</p> <p>2.1.1. Lựu đạn $\Phi 1$.</p> <p>2.1.1.1. Tính năng, tác dụng chiến đấu.</p> <p>2.1.1.2. Cấu tạo.</p> <p>2.1.1.3. Chuyển động gây nổ</p> <p>2.1.2. Lựu đạn chày.</p> <p>2.1.2.1. Tính năng chiến đấu.</p> <p>2.1.2.2. Cấu tạo.</p> <p>2.1.2.3. Chuyển động gây nổ.</p> <p>2.2. Quy tắc sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.2.1. Sử dụng giữ gìn lựu đạn thật.</p> <p>2.2.1.1. Sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.2.1.2. Giữ gìn lựu đạn.</p> <p>2.2.2. Quy định sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.3. Tư thế, động tác đúng ném lựu đạn.</p> <p>2.3.1. Trường hợp vận dụng.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>



	<p>2.3.2. Động tác.</p> <p>2.3.2.1. Động tác chuẩn bị.</p> <p>2.3.2.2. Động tác ném.</p> <p>2.3.3. Chú ý.</p> <p>2.4. Ném lựu đạn trúng đích.</p> <p>2.4.1. Đặc điểm, yêu cầu.</p> <p>2.4.1.1. Đặc điểm.</p> <p>2.4.1.2. Yêu cầu.</p> <p>2.4.2. Điều kiện kiểm tra.</p> <p>2.4.3. Đánh giá thành tích.</p> <p>2.4.4. Thực hành tập ném lựu đạn.</p>	
	<p>2.4.4.1. Người ném (Người tập).</p> <p>2.4.4.2. Người phục vụ.</p> <p>3. Hướng dẫn luyện tập.</p> <p>3.1. Nội dung.</p> <p>3.2. Thời gian.</p> <p>3.3. Tổ chức.</p> <p>3.4. Phương pháp.</p> <p>3.5. Địa điểm.</p> <p>3.6. Vật chất.</p> <p>3.7. Ký, tín hiệu.</p>	
<p>[Bài 3] [16 tiết]</p>	<p>Từng người trong chiến đấu tiến công</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>1.1. Đặc điểm, thủ đoạn phòng ngự của địch</p> <p>1.2. Nguyên tắc</p> <p>1.3. Nhiệm vụ</p> <p>1.4. Yêu cầu chiến thuật</p> <p>1.5. Thực hành chiến đấu</p> <p>1.5.1. Vấn đề huấn luyện 1: Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.</p> <p>1.5.2. Vấn đề huấn luyện 2: Hành động của chiến sĩ đánh chiếm mục tiêu.</p> <p>- Vận động đến gần địch.</p> <p>- Cách đánh từng loại mục tiêu.</p> <p>1.5.3. Vấn đề huấn luyện 3: Hành động của chiến sĩ sau khi đánh chiếm được mục tiêu.</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
<p>[Bài 4] [8 tiết]</p>	<p>Từng người trong chiến đấu phòng ngự</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>1.1. Đặc điểm, thủ đoạn tiến công của địch</p> <p>1.2. Nguyên tắc</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>

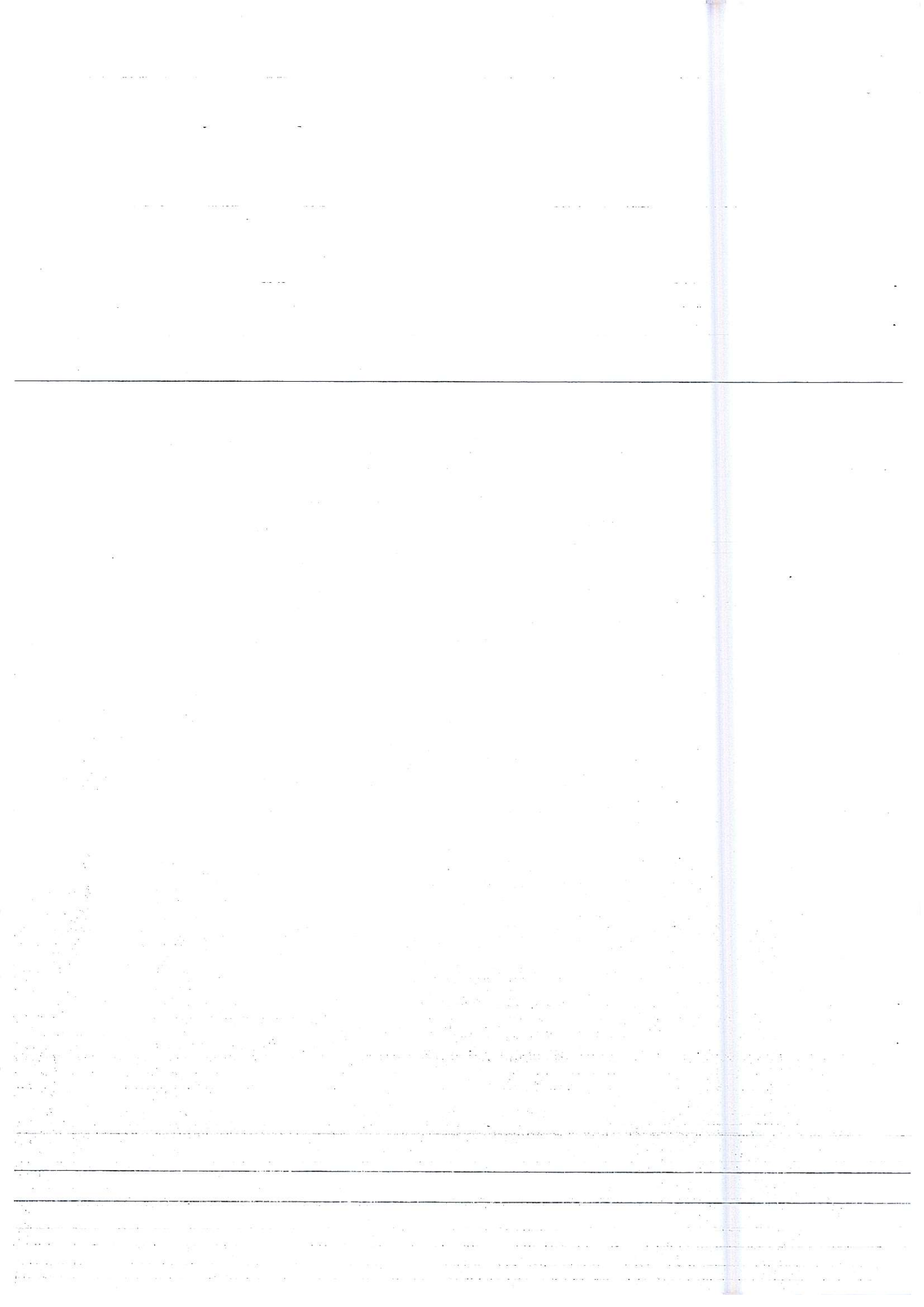


	1.3. Nhiệm vụ 1.4. Yêu cầu chiến thuật 2. Thực hành chiến đấu 2.1. Vấn đề huấn luyện 1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 2.2. Vấn đề huấn luyện 2: Hành động của chiến sỹ thực hành chiến đấu 2.2.1. Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công 2.2.2. Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công vào trận địa 2.3. Vấn đề huấn luyện 3: Hành động của chiến sỹ sau mỗi lần đánh bại địch tiến công	CLO5 CLO6 CLO7
[Bài 5] [4 tiết]	Tùng người làm nhiệm vụ canh gác 1 Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 2 Hành động của chiến sỹ thực hành tuần tra 3 Hành động của chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (<i>Chuyên cần + Kiểm tra giữa học phần/2</i>)	Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết... Một vài nội dung, kỹ thuật cơ bản về “Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK”.	Suốt quá trình học Kết thúc bài 1	CLO1 CLO2 CLO8 CLO3 CLO4 CLO5	Chuyên cần 20% Kiểm tra 20%
2	Thi cuối kỳ	- Thi vấn đáp trực tiếp. - Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 4 “Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật”.	Theo kế hoạch của Trung tâm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	60%



9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

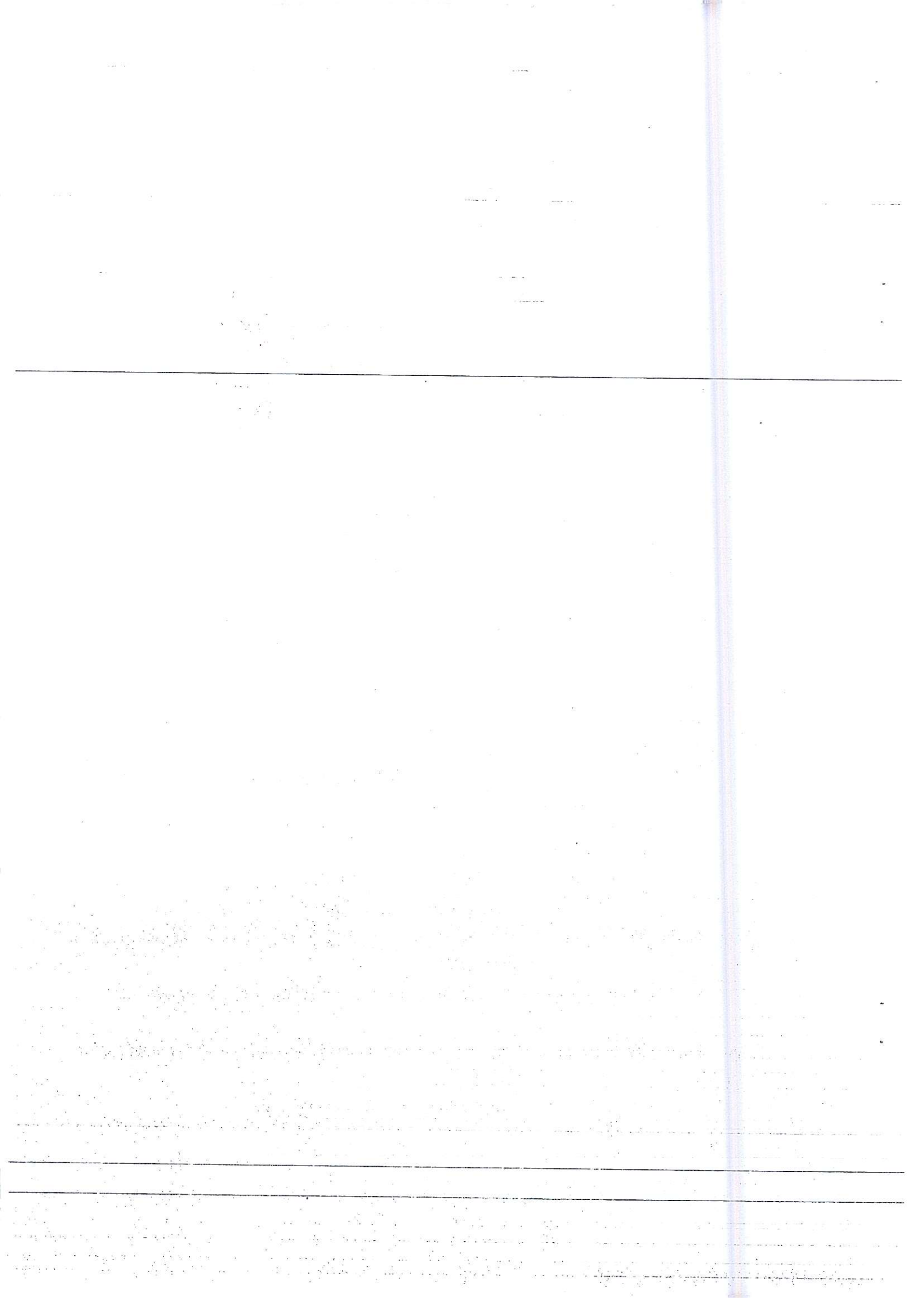
- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định



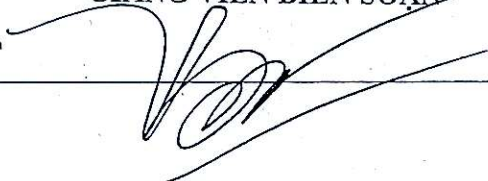
	- Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.-
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

HỌC VIỆN GIÁM ĐỐC






Trung tá. Trần Minh Thuận

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

TS. Nguyễn Thanh Hùng



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1
Mã học phần: 1090061
Tên tiếng Anh: ENGLISH 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 1090061 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 45tiết
 - + Làm bài tập trên lớp : tiết
 - + Thảo luận : ... tiết
 - + Thực hành, thực tập : ... tiết
 - + Hoạt động theo nhóm :tiết
 - + Tự học : 90giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ/ Bộ môn: **Ngoại ngữ đại cương**

2. Mô tả học phần

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung thực tiễn giúp sinh viên có được sự chuẩn bị đầy đủ cho việc tương tác và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - +CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về *thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.*
 - +CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề như *giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà.*

- Kỹ năng

+CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp liên quan đến *thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.*

+CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp liên quan đến *thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ* để có thể nói và viết về các chủ đề như *giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.*

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp tiếng Anh về <i>thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.</i>	PLO1	L
	CLO2	Vận dụng được vào <i>nói và viết</i> những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp về <i>thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ</i> vào <i>nói và viết</i> trong giao tiếp.	PLO1	H
CO2	CLO3	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những nội dung của các văn bản tiếng Anh về những chủ đề <i>giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.</i>	PLO1	L
	CLO4	Vận dụng được ở cấp độ tiên trung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh về <i>thì hiện tại</i>	PLO1	M

		đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ vào kỹ năng nói và viết về các chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.		
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết những điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.	PLO4	M
CO4	CLO6	Phân tích được ở cấp độ tiền trung cấp nội dung của các văn bản tiếng Anh về các chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Hiểu được tầm quan trọng của việc học, có ý thức kỷ luật, tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	PLO13 PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bryson, E. & Lee, C., <i>Voices-Pre-Intermediate</i> , National Geographic Learning, 2021.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Falla, T. & Davies, A. P., <i>Solutions - Elementary</i> , OUP, 2012. 2. Naber, T. & Angela Blackwell, <i>Knowhow 1</i> , OUP, 2005. 3. Redston, C. & Cunningham, G., <i>Face2Face 1</i> , FAHASA, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO3, CLO6

<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Bài tập</i>	Giúp cho sinh viên áp dụng những kiến thức đã học vào việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ, qua đó nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học và hợp tác.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
<i>Nghiên cứu khoa học</i>	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	Unit 1. All about me 1A: Knowing me, knowing you	CLO1, CLO3, CLO5
[2] [2 tiết]	1B: How often do you go out	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[3] [2 tiết]	1C: My best self	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [2 tiết]	1D: Talking to people you don't know	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	1E: Me in a few words	CLO2, CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	Unit 2. Memory 2A: How to improve your memory	CLO1, CLO3, CLO5
[7] [2 tiết]	2B: Childhood memories	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	2C: How to remember new things	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	2D: Showing interest when listening	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	2E: A happy memory	CLO2, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	Review	
[12] [2 tiết]	Unit 3. Food for thought 3A: Favorite dishes	CLO1, CLO3, CLO5
[13] [2 tiết]	3B: A recipe for disaster	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	3C: Eating out	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6

[15] [2 tiết]	3D: Making your reasons clear	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[16] [2 tiết]	3E: Comfort food recipes	CLO2, CLO4, CLO5
[17] [2 tiết]	Unit 4. Goals and ambition 4A: Goals and ambitions	CLO1, CLO3, CLO5
[18] [2 tiết]	4B: Setting goals	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7
[19] [2 tiết]	4C: What motivates you?	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[20] [2 tiết]	4D: Giving encouraging feedback	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[21] [2 tiết]	4E: Language learning goals	CLO2, CLO4, CLO5
[22] [3 tiết]	Review	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	40%
		- Sinh viên hoàn thành tất cả các bài tập được giao trong nguồn tài nguyên trực tuyến của giáo trình.	Theo tiến trình các bài học trên lớp	CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên sẽ được kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> trong quá trình học trên lớp thông qua hình thức thu âm hoặc quay video theo nguồn tài nguyên trực tuyến. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> gồm: nội dung trả lời phù hợp và liên kết ý, trôi chảy và phát triển ý, cấu trúc ngữ pháp đa dạng và phát âm chính xác.	Sau mỗi đơn vị bài học	CLO2, CLO4, CLO6	

2	Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: <i>Trắc nghiệm khách quan</i> kết hợp <i>tự luận</i>. + Trắc nghiệm khách quan: Kiểm tra kỹ năng <i>nghe và đọc</i>. + Tự luận: Kiểm tra kỹ năng <i>viết</i>. - Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO6	60%
---	---------	---	------------------------------	------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Văn Định
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: truongvandinh@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 09056.09086

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthihuonggiang@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0983.777.284

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthithanhha@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0919.554.481

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.860.960

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Lương Hạ Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenluonghaliem@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.833.037

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Lê Tố Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenletoquyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0935.496.663

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhthuy@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0913.442.186

9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Huỳnh Thị Thu Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: huynhthithutoan@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0989.821.133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm kiểm tra giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Trương Văn Định

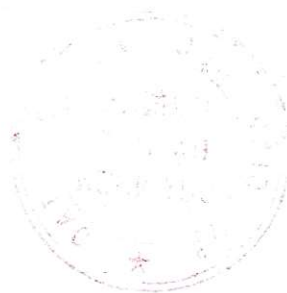
TS. Trương Văn Định

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2**

Mã học phần: 1090166
Tên tiếng Anh: ENGLISH 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2
- Mã học phần: 10900166Số tín chỉ: 04
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Tiếng Anh 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 60tiết
 - + Làm bài tập trên lớp : ...tiết
 - + Thảo luận : ... tiết
 - + Thực hành, thực tập : ...tiết
 - + Hoạt động theo nhóm : ... tiết
 - + Tự học : 120giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ/ Bộ môn: Ngoại ngữ đại cương

2. Mô tả học phần

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung thực tiễn giúp sinh viên có được sự chuẩn bị đầy đủ cho việc tương tác và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu COs)

- Kiến thức

+CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về *điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, và mạo từ; câu tường thuật.*

+CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề như *hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc và giải trí, thử thách.*

- Kỹ năng

+CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp như *điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.*

+CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiên trung cấp về *điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật* để có thể nói và viết về các chủ đề như *hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.*

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp tiếng Anh về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.</i>	PLO1	L
	CLO2	Vận dụng được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật</i> vào các kỹ năng nói và viết trong giao tiếp.	PLO1	H
CO2	CLO3	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những nội dung của các văn bản tiếng Anh về những chủ đề <i>hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO1	L

	CLO4	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, và mạo từ vào nói và viết về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO1	H
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp vào <i>nghe, nói, đọc và viết</i> những điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.</i>	PLO4	H
CO4	CLO6	Phân tích được ở cấp độ tiền trung cấp nội dung của các văn bản tiếng Anh về các chủ đề ở <i>nhà và xa nhà, hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có ý thức kỷ luật, tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	PLO 3 PLO 4	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bryson, E. & Lee, C., <i>Voices - Pre-Intermediate</i> , National Geographic Learning, 2021.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Falla, T. & Davies, A. P., <i>Solutions - Pre-Intermediate</i> , OUP, 2012. 2. Naber, T. & Blackwell, A., <i>Knowhow 2</i> , OUP, 2005. 3. Redston, C. & Cunningham, G., <i>Face 2 Face 2</i> , FAHASA, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
<i>Diễn giảng</i>	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO3, CLO6

<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Bài tập</i>	Giúp cho sinh viên áp dụng những kiến thức đã học vào việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ, qua đó nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học và hợp tác.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Nghiên cứu khoa học</i>	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	Unit 5. Home and away 5A: A tidy house makes a calm home	CLO1, CLO3, CLO5
[2] [2 tiết]	5B: If you are in town, call me	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[3] [2 tiết]	5C: That was the weirdest place	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [2 tiết]	5D: Showing flexibility	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	5E: We're looking forward to our stay	CLO2, CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	Unit 6. Journeys 6A: Daily journeys	CLO1, CLO3, CLO5
[7] [2 tiết]	6B: The most memorable journey I've ever made!	CLO1, CLO3, CLO6
[8] [2 tiết]	6C: Flying free with no luggage	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	6D: Understanding other English speakers	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	6E: What time does it leave?	CLO2, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	Unit 7. Inspiration for change 7A: Life-changing inventions	CLO1, CLO3, CLO5
[12] [2 tiết]	7B: Something that inspires me	CLO1, CLO3, CLO5
[13] [2 tiết]	7C: An inspiring story	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

[14] [2 tiết]	7D: Persuading people	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	7E: My role model	CLO2, CLO4, CLO5
[16] [2 tiết]	Unit 8. The world of work 8A: Is your job safe?	CLO1, CLO3, CLO5
[17] [2 tiết]	8B: A different way to work	CLO1, CLO3, CLO5
[18] [2 tiết]	8C: Dream jobs	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[19] [3 tiết]	8D: Making a good impression at an interview	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[20] [2 tiết]	8E: Looking great on your CV	CLO2, CLO4, CLO5
[21] [2 tiết]	Unit 9. Health and happiness 9A: Pain and positivity	CLO1, CLO3, CLO5
[22] [2 tiết]	9B: If I had more time. I would do less	CLO1, CLO3, CLO5
[23] [2 tiết]	9C: Staying healthy	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[24] [2 tiết]	9D: Saying 'no' when you need to	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[25] [2 tiết]	9E: I am so grateful for this!	CLO2, CLO4, CLO5
[26] [2 tiết]	Unit 10. Entertainment 10A: Stories from around the world	CLO1, CLO3, CLO5
[27] [2 tiết]	10B: I hadn't made a sound!	CLO1, CLO3, CLO5
[28] [2 tiết]	10C: It's so entertaining	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[29] [2 tiết]	10D: Showing you value people	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[30] [2 tiết]	10E: I totally recommend this show!	CLO2, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	-Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3,	40%

		-Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên làm tất cả các bài tập của từng bài trong nguồn tài nguyên trực tuyến của giáo trình.	Theo tiến trình các bài học trên lớp	CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên sẽ được kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> trong quá trình học trên lớp thông qua hình thức thu âm hoặc quay video theo nguồn tài nguyên trực tuyến. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> gồm: nội dung trả lời phù hợp và liên kết ý, trôi chảy và phát triển ý, cấu trúc ngữ pháp đa dạng và phát âm chính xác.	Thực hiệnsau mỗi đơn vị bài học	CLO2, CLO4, CLO6	
2	Cuối kỳ	-Thi kết thúc học phần. -Hình thức thi: <i>Trắc nghiệm khách quan</i> kết hợp <i>tự luận</i> . +Trắc nghiệm khách quan: Kiểm tra kỹ năng <i>nghe</i> và <i>đọc</i> . +Tự luận: Kiểm tra kỹ năng <i>viết</i> . -Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Văn Định
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: truongvandinh@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 09056.09086

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthihuonggiang@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0983.777.284

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthithanhha@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0919.554.481

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhhhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.860.960

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Lương Hạ Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenluonghalien@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.833.037

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Lê Tố Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenletoquyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0935.496.663

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhthuy@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0913.442.186

9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Huỳnh Thị Thu Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: huynhthithutoan@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0989.821.133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.

Quy định về học vụ	Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm kiểm tra giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Trương Văn Định

TS. Trương Văn Định

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

Mã học phần: 2030003

Tên tiếng Anh: Communication Skills

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Kỹ năng giao tiếp**
- Mã học phần: **2030003** Số tín chỉ: **02**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần: **Không có**
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - + Thảo luận: 04 tiết
 - + Thực hành: 20 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: **Khoa học Xã hội và Nhân văn**

2. Mô tả học phần

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- **Kiến thức:**
 - + CO1: Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.

+ CO2: Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; phi ngôn ngữ.

- Kỹ năng

+ CO3: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

+ CO4: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cơ thể và quản lý cảm xúc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.

+ CO6: Sinh viên tự tin, chủ động, vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.

+ CO7: Sinh viên có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nhận diện được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.	PLO ₁	L
CO2	CLO2	Phân tích được đặc điểm, vai trò của giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp phi ngôn ngữ.	PLO ₁	M

Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết trong cuộc sống.	PLO ₄	M
CO4	CLO4	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể.	PLO ₄	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.	PLO ₁₃	M
CO6	CLO6	Tự tin, chủ động và vận dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp trong thực tiễn.	PLO ₁₃	M
CO7	CLO7	Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.	PLO ₁₄	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Huỳnh Văn Sơn (chủ biên 2011), <i>Giáo trình kỹ năng giao tiếp</i> , Nxb Trẻ, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo:	[1] Lê Thị Bùng (2000), <i>Tâm lý học ứng xử</i> , Nxb Giáo dục. [2] Nguyễn Văn Đông (2011), <i>Tâm lý học giao tiếp</i> , Nxb Chính trị - Hành chính. [3] Chu Văn Đức (chủ biên, 2005), <i>Giáo trình kỹ năng giao tiếp</i> , Nxb Hà Nội. [4] Đặng Tùng Hoa (chủ biên, 2012), <i>Kỹ năng giao tiếp và</i>

	<i>thuyết trình</i> , Nxb-Khoa-học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	[1] Patrick King (2017), <i>Nghệ thuật giao tiếp hiệu quả</i> , Nxb Thế giới. [2] Dale Carnegie (2018), <i>Đắc Nhân Tâm (Nguyễn Hiến Lê dịch)</i> , Nxb Trẻ, Hà Nội.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận	Giúp sinh viên hiểu được nội dung, bản chất của giao tiếp; phân tích và nhận diện được các loại hình, phương tiện giao tiếp, đồng thời giải đáp những thắc mắc cho sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Thực hành	- Rèn luyện và hình thành cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp cơ bản; giúp sinh viên tự tin, vận dụng linh hoạt những kỹ năng giao tiếp vào các tình huống cụ thể và thực tiễn cuộc sống. - Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp; góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Tự học	Giúp cho sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng giao tiếp.	CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
1,2,3 (6 tiết lý thuyết + 4 tiết thảo luận)	<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP</p> <p>1.1. Khái niệm, phân loại giao tiếp</p> <p>1.1.1. Khái niệm giao tiếp</p> <p>1.1.2. Phân loại giao tiếp</p> <p>1.2. Chức năng và vai trò của giao tiếp</p> <p>1.2.1. Chức năng giao tiếp</p> <p>1.2.2. Vai trò của giao tiếp</p> <p>1.3. Nguyên tắc và quá trình giao tiếp</p> <p>1.3.1. Nguyên tắc giao tiếp</p> <p>1.3.2. Quá trình giao tiếp</p> <p><u>Thảo luận:</u></p> <p>1. Văn hóa giao tiếp trong nhà trường.</p> <p>2. Những hạn chế, trở ngại trong quá trình giao tiếp.</p> <p>3. Những biện pháp để nâng cao hiệu quả giao tiếp.</p>	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7
4,5,6,7 (6 tiết lý thuyết + 10 tiết thực hành)	<p style="text-align: center;">Chương 2</p> <p style="text-align: center;">KỸ NĂNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ</p> <p>2.1. Đặc điểm, vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.1.1. Đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.1.2. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.2. Phân loại giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.2.1. Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói</p> <p>2.2.2. Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết</p> <p>2.3. Một số kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.3.1. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>2.3.2. Kỹ năng khen, phê bình</p> <p>2.3.3. Kỹ năng đàm phán và thuyết phục</p> <p>2.3.4. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>2.3.5. Kỹ năng viết CV (Curriculum Vitae)</p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7

	2.3.6. <i>Kỹ năng viết thư tín</i>	
	Thực hành 1. Thuyết trình theo chủ đề. 2. Viết CV theo ngành tuyển dụng. 3. Viết báo cáo, lập kế hoạch học tập, công tác.	
8,9,10, 11 (6 tiết lý thuyết + 10 tiết thực hành)	Chương 3 KỸ NĂNG GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ 3.1. Đặc điểm, vai trò của giao tiếp phi ngôn ngữ 3.1.1. <i>Đặc điểm giao tiếp phi ngôn ngữ</i> 3.1.2. <i>Vai trò của giao tiếp phi ngôn ngữ</i> 3.2. Kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cơ thể 3.2.1. <i>Ánh mắt, nét mặt, nụ cười</i> 3.2.2. <i>Tư thế, dáng điệu, cử chỉ</i> 3.2.3. <i>Khoảng cách, di chuyển, tiếp xúc</i> 3.2.4. <i>Trang phục</i> 3.3. Kỹ năng quản lý cảm xúc 3.3.1. <i>Nhận diện cảm xúc</i> 3.3.2. <i>Kiểm soát cảm xúc</i> 3.3.3. <i>Giải tỏa cảm xúc</i> Thực hành 1. Tạo ấn tượng ban đầu trong tình huống giao tiếp. 2. Đọc vị đối tượng giao tiếp qua ngôn ngữ cơ thể. 3. Thực hành tổng hợp kỹ năng giao tiếp.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra của học phần	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Tính chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO5, CLO6, CLO7	50%

		<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, thực hành theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, thực hành. 	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
		Hình thức, chất lượng các nội dung thực hành.	Đánh giá điểm qua các buổi thực hành	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi: Vấn đáp - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. 	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

9.2. Giảng viên 2

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định. - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần.
Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Chuẩn bị bài trước khi lên lớp. - Tích cực tham gia thảo luận, thực hành, làm việc nhóm.
Quy định về tham dự lớp học	Theo quy định về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài.

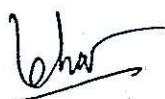
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. - Không sử dụng điện thoại khi chưa được sự đồng ý của giảng viên.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


ThS. Trương Thanh Long

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP

Mã học phần: 1150422

Tên tiếng Anh: START UP

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Khởi nghiệp
- Mã học phần: 1150422
- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Các học phần học trước: 1130299, 1130300
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 7 tiết
 - + Thảo luận: 6 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

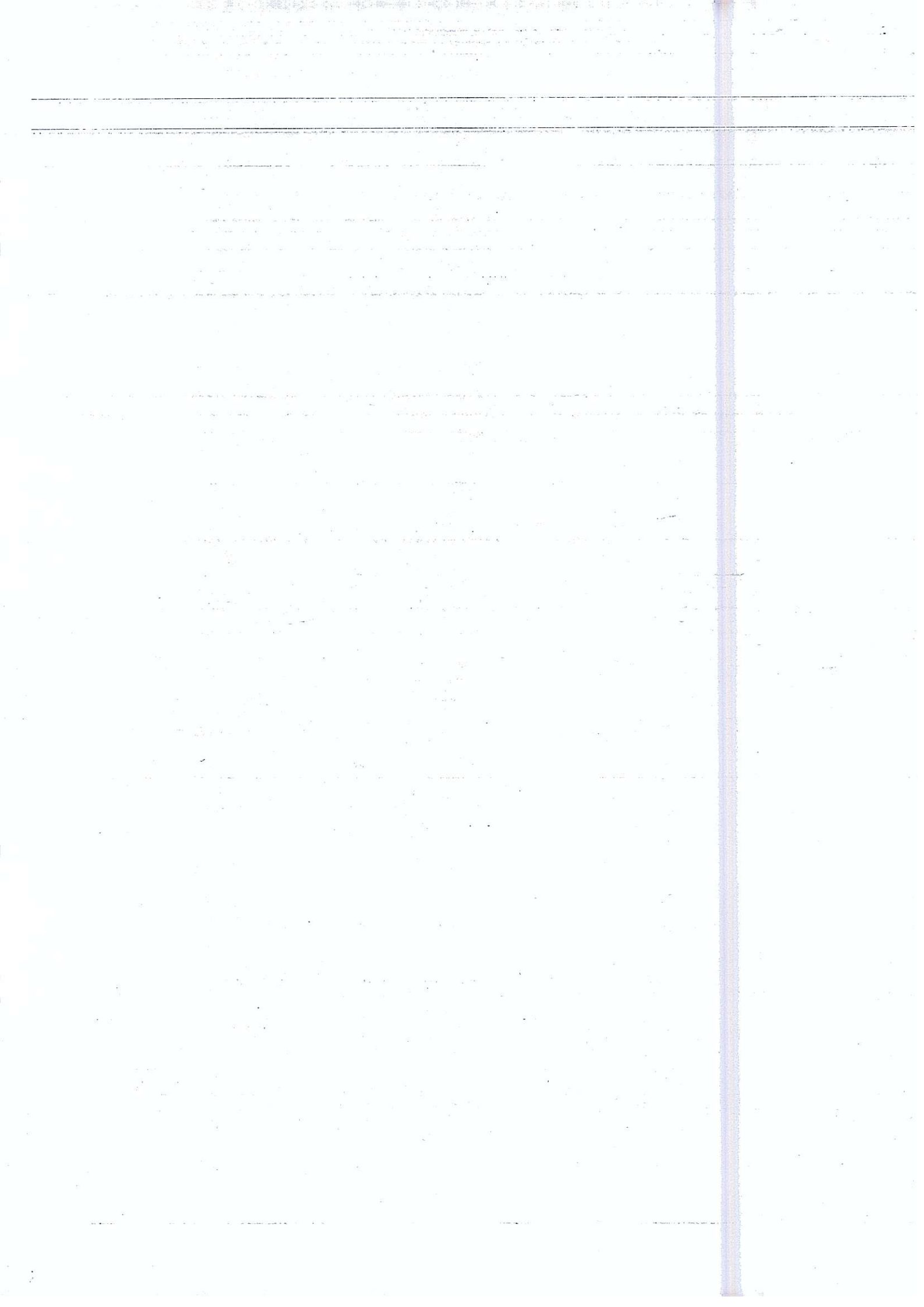
Số tín chỉ: 2

2. Mô tả học phần

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- **Kiến thức:**
 - + CO1: Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.



+ CO2: Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.

- **Kỹ năng**

+ CO3: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biện các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.

+ CO4: Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:**

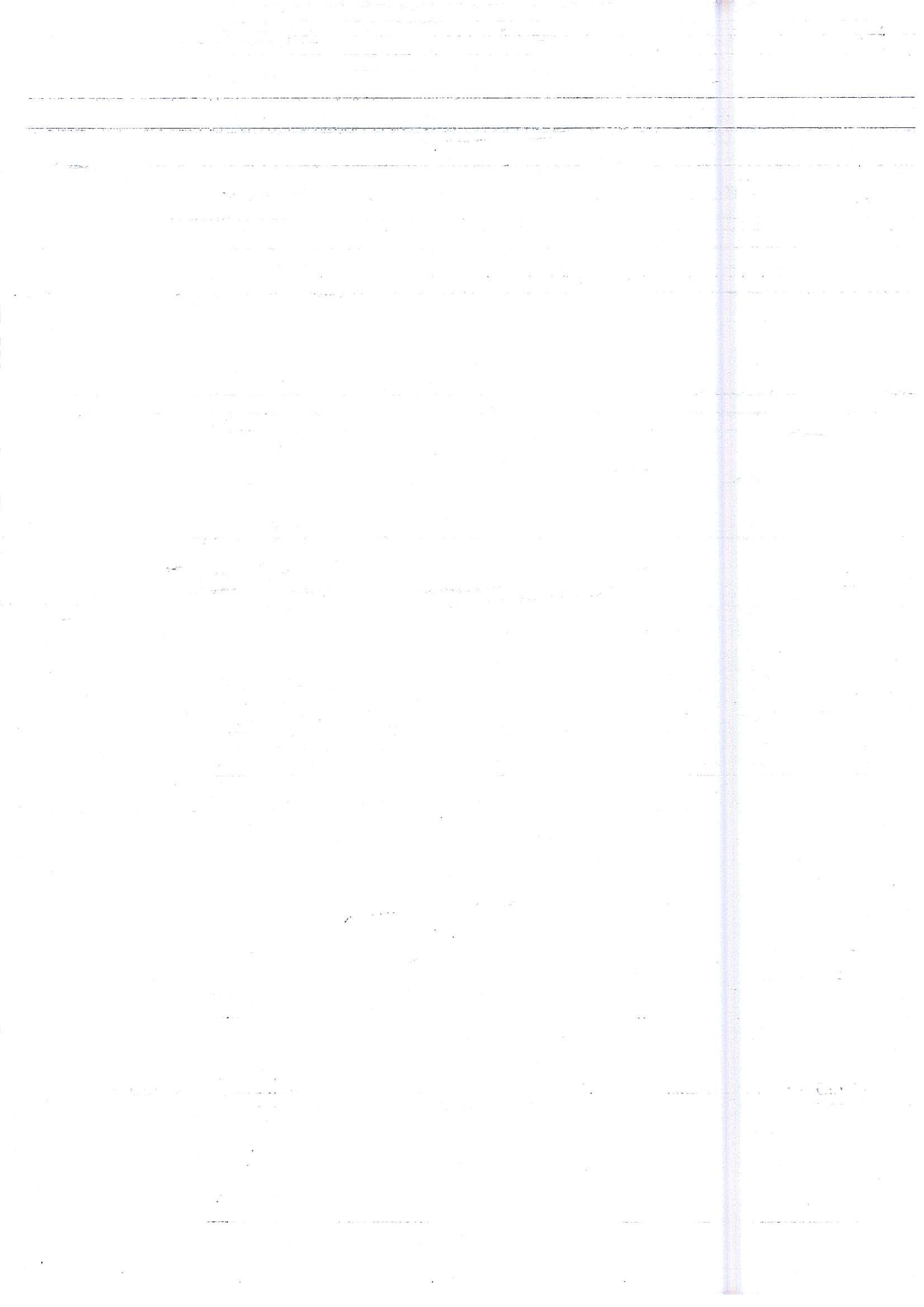
+ CO5: Người học nhận thức được vai trò quan trọng của việc khởi nghiệp, từ đó có thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần cầu tiến khi khởi nghiệp.

+ CO6: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Về kiến thức				
CO1, CO2	CLO1	Hiểu khái quát chung về các kiến thức tổng quan về khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp	PLO ₁	L
	CLO2	Hiểu và vận dụng kiến thức vào hình thành ý tưởng khởi nghiệp như phân tích ý tưởng, xây dựng và lập kế hoạch khởi nghiệp	PLO ₂	M
Về kỹ năng				
CO3	CLO3	Biết và vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm Trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biện các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp	PLO ₄	M
CO4	CLO4	Có khả năng và phương pháp trong hành trình khởi nghiệp.	PLO ₄	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5, CO6	CLO5	Thể hiện tính trung thực khách quan; đạo đức nghề nghiệp; có thái độ và nhận thức đúng đắn về chuyên môn; có ý thức, trách nhiệm trong công việc.	PLO ₁₃	M
	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ trong công việc; tác phong chuyên nghiệp.	PLO ₁₄	M



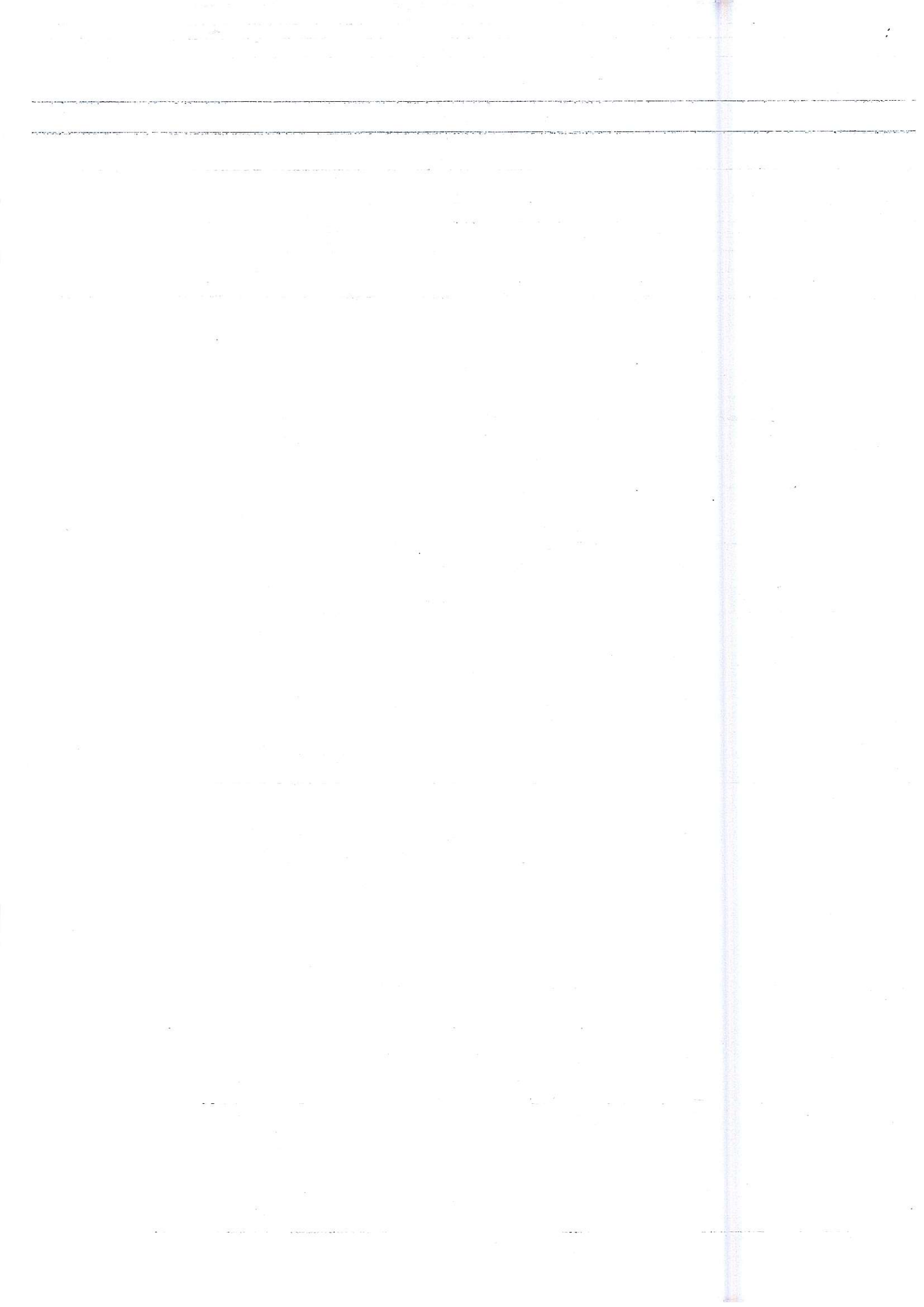
(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chỉ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1] Nhóm tác giả Khoa TC-NH&QTKD, Tài liệu học tập Khởi nghiệp, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2022.</p> <p>[2] Eric Ries, <i>Khởi nghiệp tinh gọn</i>, Dương Hiếu, Kim Phượng & Hiếu Trung dịch, NXB Thời Đại, 2012.</p> <p>[3] Nguyễn Ngọc Huyền và Ngô Thị Việt Nga. <i>Giáo trình khởi sự kinh doanh</i>, NhàXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[4] Bygrave, W., & Zacharakis, A, <i>Entrepreneurship</i>, 4th Edition, Wiley, 2017.</p> <p>[5] Donald F. Kuratko, <i>Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice</i>, Cengage Learning, 2016.</p> <p>[6] Aulet, B, <i>Disciplined entrepreneurship: 24 steps to a successful startup</i>, John Wiley & Sons, 2013.</p> <p>[7] SIYB, <i>Start your business: Generate your business idea</i>, International Labour Organization, 2015.</p>
Các loại học liệu khác:	https://journals.sagepub.com/home/joe

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

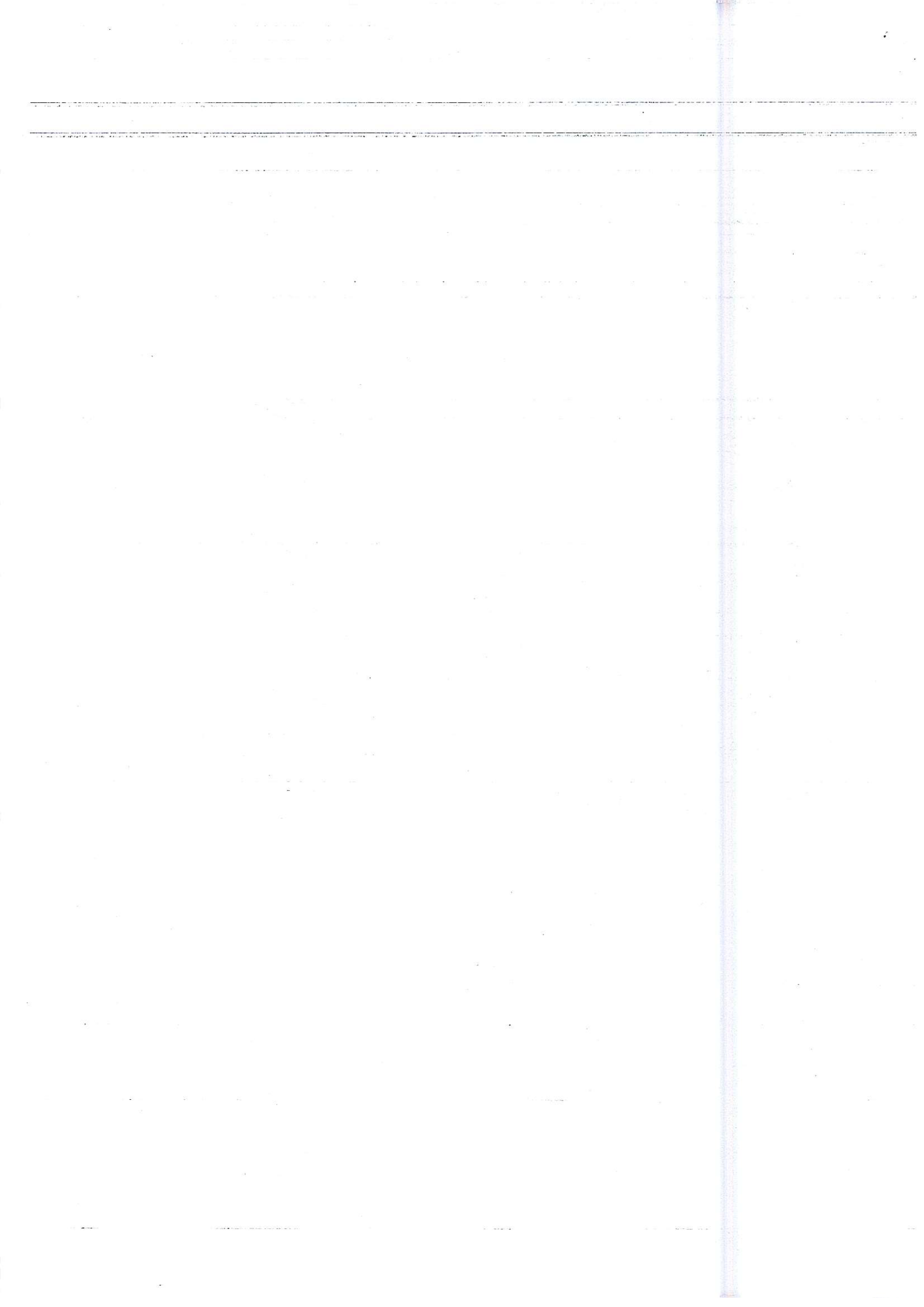
Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	Chuẩn đầu ra của học phần đạt được
Diễn giảng	Cung cấp các kiến thức nền tảng giúp người học hiểu khái quát chung về khởi nghiệp một cách khoa học. Giúp người học hiểu các yêu cầu cơ bản trong phân tích và hoạch định ý tưởng. Giúp khơi dậy tinh thần, đam mê và khát vọng khởi nghiệp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6,
Bài tập	Giúp người học hiểu rõ các kiến thức cơ bản và biết vận dụng các kiến thức vào các tình huống thực tế và trải nghiệm thực tế trong các ý tưởng khởi nghiệp. Giúp người học hiểu và có khát vọng khởi nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CL06



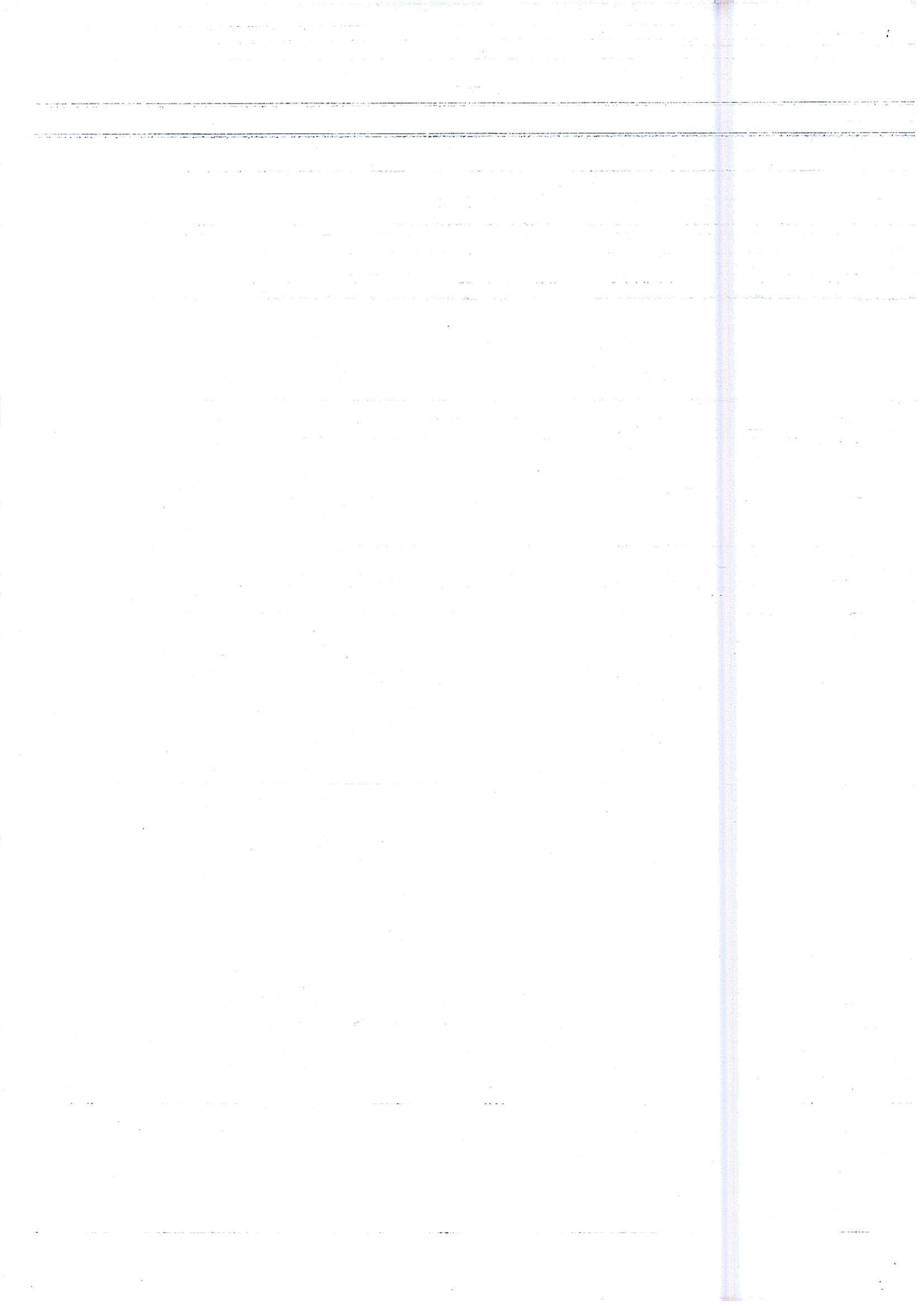
Thảo luận	Trao đổi các kiến thức vào các tình huống khởi nghiệp. Rèn luyện các kỹ năng chủ động sáng tạo cho người học. Giúp khơi dậy khát vọng và đam mê khởi nghiệp của người học. Giúp người học rèn luyện đạo đức, có tinh thần và có trách nhiệm trong công việc	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Đặt ra vấn đề từ đó giúp sinh viên tạo kỹ năng tự duy phân tích, phân biện và biết cách khởi nghiệp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,
Tự học	Giúp cho người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu. Trung thực khách quan; có trách nhiệm trong học tập và công việc.	CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] (Tiết 1-2)	<p>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KHỞI NGHIỆP (7 tiết: 5 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập + 1 tiết thảo luận)</p> <p>Gới thiệu môn học</p> <p>1.1. Khái quát về khởi nghiệp</p> <p>1.1.1. Khái niệm-khởi nghiệp</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa của khởi nghiệp</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của khởi nghiệp</p> <p>1.1.4. Loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[2] (Tiết 3-5)	<p>1.2. Câu chuyện khởi nghiệp thành công</p> <p>1.2.1. Gương khởi nghiệp điển hình quốc tế</p> <p>1.2.2. Gương khởi nghiệp điển hình Việt Nam</p> <p>1.2.3. Bài học kinh nghiệm thành công</p> <p>1.3. Khởi nghiệp thành công</p> <p>1.3.1. Những yếu tố cần có khi bắt đầu khởi nghiệp</p> <p>1.3.2. Nguyên tắc để khởi nghiệp thành công</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[3] (Tiết 6-7)	Bài tập và thảo luận về bài học kinh nghiệm khởi nghiệp thành công	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[4] (Tiết 8-11)	<p>Chương 2. HÀNH TRÌNH KHỞI NGHIỆP (19 tiết: 10 tiết lý thuyết + 5 tiết bài tập + 4 tiết thảo luận)</p> <p>2.1. Chuẩn bị khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6



	<p>2.1.1. Nền tảng kiến thức</p> <p>2.1.2. Tinh thần khởi nghiệp</p> <p>2.1.3. Các nguồn lực cần thiết</p> <p>2.1.4. Cơ hội khởi nghiệp</p> <p>2.2. Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.1. Khái niệm ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.2. Nguồn gốc phát sinh ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.3. Phương pháp làm nảy sinh ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.4. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp</p>	
[5] (Tiết 12-15)	<p>2.3. Xây dựng mô hình kinh doanh</p> <p>2.3.1. Khái niệm mô hình kinh doanh</p> <p>2.3.2. Nội dung cơ bản của mô hình KD Canvas</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[6] (Tiết 16-17)	<p>2.4. Lập kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.1. Khái lược về kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.2. Kỹ năng lập kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.3. Các BP chủ yếu cấu thành bản kế hoạch KN</p> <p>2.5. Triển khai hoạt động</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[7] (Tiết 18-19)	BT nhận dạng cơ hội và tìm kiếm các ý tưởng khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] (Tiết 20-21)	Thảo luận và làm việc theo nhóm về các ý tưởng đề xuất và xây dựng quá trình khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] (Tiết 22-24)	Bài tập: Hãy lập kế hoạch khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] (Tiết 25-26)	Thảo luận về kế hoạch khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] (Tiết 27-28)	<p>Chương 3. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP (8 tiết: 5 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập + 1 tiết thảo luận)</p> <p>3.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.1. Khái niệm hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.2. Đặc điểm của hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.3. Vai trò của hệ sinh thái khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] (Tiết 29-31)	<p>3.2. Các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.2.1. Cộng đồng khởi nghiệp (Phần cốt lõi)</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5,

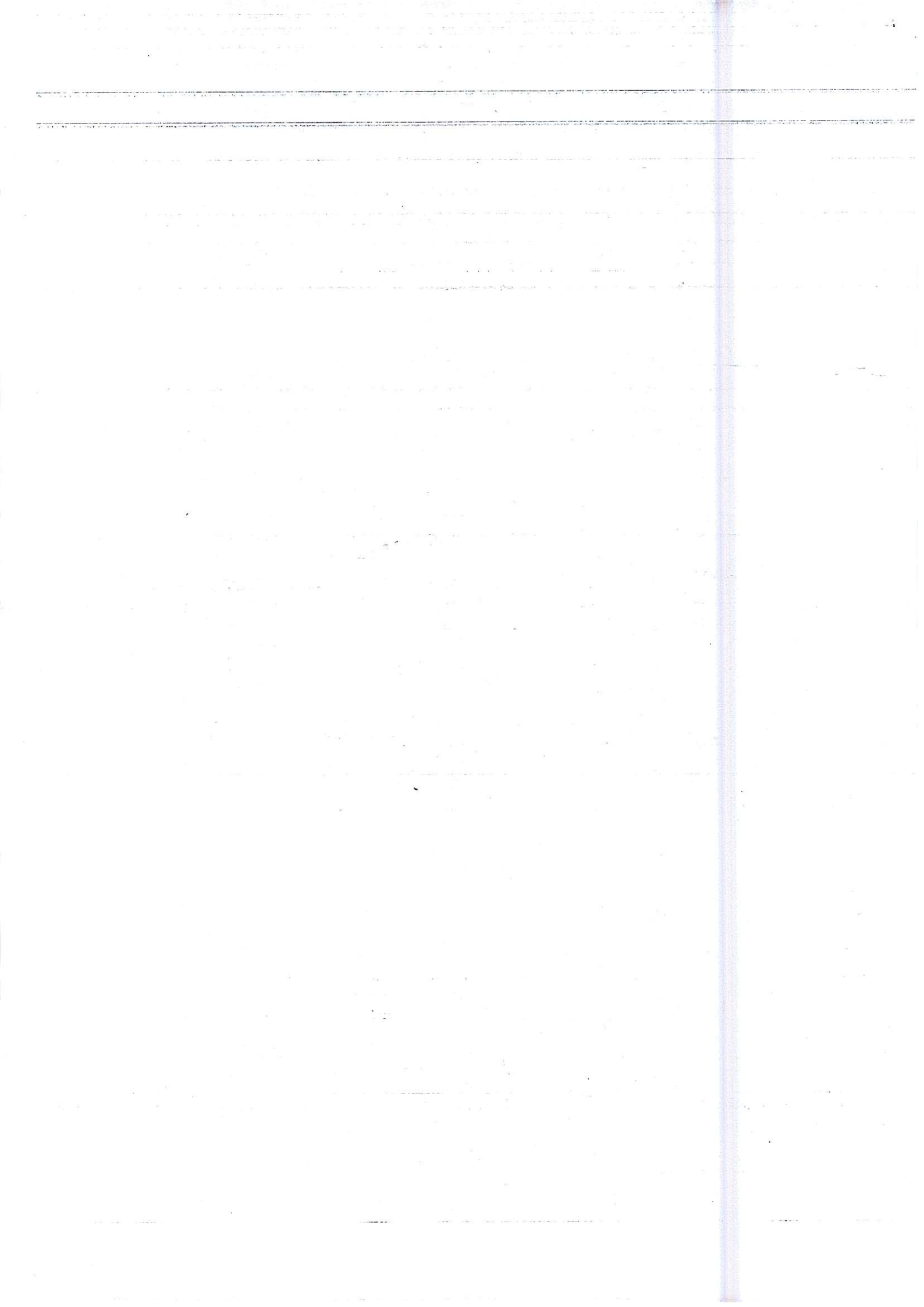


	3.2.2. Các tác nhân bên ngoài của hệ sinh thái KN 3.2.3. Mối quan hệ giữa cộng đồng khởi nghiệp và các tác nhân bên ngoài của hệ sinh thái khởi nghiệp 3.3. Các yếu tố thúc đẩy hình thành hệ sinh thái KN 3.3.1. Vị trí hình thành hệ sinh thái 3.3.2. Điều kiện công nghệ và công nghiệp 3.3.3. Các tổ chức vườn ươm 3.3.4. Các công ty khởi nguồn	CLO6
[13] (Tiết 32-33)	Bài tập và thảo luận về đánh giá các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i>				40%
		Thực hiện tốt nội quy lớp học như đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài, tích cực đóng góp xây dựng và hoạt động khác	Theo từng buổi học	CLO4, CLO6	10%
		Có chuẩn bị bài, tích cực tham gia thảo luận mà giảng viên yêu cầu - Hình thức: thuyết trình về mô hình kinh doanh - Tiêu chí đánh giá: theo đáp án của giảng viên	Theo từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	30%
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Thi viết đề thi mở (90 Phút) - Theo đáp án và thang điểm của giảng viên	Theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%



9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Kiều Thị Hường
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: kieuhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0982230570

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: nguyenkimanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905497789

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trịnh Thị Thúy Hồng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: trinhthithuyhong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989731710

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy
Yêu cầu đối với người học	Tích cực, chủ động trong học tập
Quy định về tham dự lớp học	Dự đầy đủ các buổi học lý thuyết
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tập trung và sôi nổi trao đổi
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của Trường
Các quy định khác	Không

Bình Định, ngày 3 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Kiều Thị Hường

TS. Lê Dzu Nhật

TS. Đặng Thị Thanh Loan



TS. Đinh Anh Tuấn



36. [1140170] Kinh tế vi mô: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ VI MÔ
Mã học phần: 1140170
Tên tiếng Anh: MICRO ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế vi mô
- Mã học phần: 1140170 Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 9 tiết
 - + Thảo luận: 4 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nền kinh tế, bản chất về cung, cầu thị trường, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hành vi người sản xuất
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc thị trường, bản chất và cách thức ra

quyết định trong những cấu trúc thị trường khác nhau, lý thuyết về các yếu tố sản xuất, thất bại của thị trường và điều tiết của chính phủ.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể phân tích thị trường ở các trạng thái, cấu trúc khác nhau

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng phân tích hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng.

+ CO5: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng nhận biết sự thất bại của thị trường cạnh tranh và cần có sự can thiệp của chính phủ.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, ứng dụng kiến thức để giải thích các vấn đề kinh tế liên quan.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế bao gồm: các chủ thể, quy luật cung cầu, cách vận hành các dạng thị trường....	PLO1	H
CO2	CLO2	Phân tích được các vấn đề bản chất của lý thuyết cung, lý thuyết cầu, lý thuyết bản chất của hành vi và cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, người sản xuất...	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thể hiện được năng lực phân tích thị trường ở các tình trạng cân bằng, hoặc khi thị trường có những thay đổi.	PLO8	M
CO4	CLO4	Sử dụng được các kiến thức về hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng để luận giải sự lựa chọn của	PLO8	M

		người tiêu dùng, người sản xuất trong thực tế.		
CO5	CLO5	Xây dựng được phương án can thiệp của chính phủ khi xuất hiện sự thất bại của thị trường.	PLO8	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Hoàn thành được các hoạt động học tập tại lớp, tự nghiên cứu và tích lũy kiến thức hỗ trợ nghề nghiệp cá nhân.	PLO13	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	2. TS. Lê Kim Chung, <i>Giáo trình kinh tế học vi mô</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2015
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Đỗ Ngọc Mỹ, Đặng Thị Thanh Loan và Nguyễn Thị Kim Ánh, <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> , NXB Đà Nẵng, 2018 2. David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch, <i>Kinh tế học</i> , NXB Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê, 2009 3. Robert S.Pindyck và Daniel L. Rubinfeld, <i>Kinh tế vi mô</i> , Nhà xuất bản Thống kê, 1999
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và tư duy suy luận để nắm bắt được nội dung trọng tâm môn học	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định đưa ra.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1. Tổng quan về kinh tế học vi mô 1.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô 1.2. Các vấn đề kinh tế cơ bản và các cơ chế kinh tế 1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế	CLO1, CLO2, CLO6
[2] [3 tiết]	Chương 2. Lý thuyết cung cầu 2.1. Cầu	CLO1, CLO2, CLO6
[3] [3 tiết]	Chương 2. Lý thuyết cung cầu (tiếp theo) 2.2. Cung Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
[4] [4 tiết]	Chương 2. Lý thuyết cung cầu (tiếp theo) 2.3. Mối quan hệ cung cầu trên thị trường 2.4 Chính sách của chính phủ Bài tập cung- cầu và chính sách của chính phủ Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	Chương 2. Lý thuyết cung cầu (tiếp theo) 2.5. Độ co giãn của cầu 2.6. Độ co giãn của cung theo giá Bài tập về nhà liên quan đến độ co giãn của cung, cầu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
[6] [3 tiết]	Chương 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng 3.1. Lý thuyết về lợi ích 3.2. Thặng dư tiêu dùng 3.3. Sở thích của người tiêu dùng 3.4. Đường cong bàng quan (đường đẳng ích)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[7] [3 tiết]	Chương 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng 3.5. Giới hạn ngân sách 3.6. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu 3.7 Lựa chọn của người tiêu dùng với giả định lợi ích có thể đo lường được Bài tập về nhà lý thuyết hành vi người tiêu dùng Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[8] [3 tiết]	Chương 4. Lý thuyết hành vi người sản xuất 4.1. Lý thuyết sản xuất	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[9] [3 tiết]	Chương 4. Lý thuyết hành vi người sản xuất 4.2. Lý thuyết chi phí 4.3. Lý thuyết về doanh thu và lợi nhuận Bài tập về lý thuyết hành vi người sản xuất	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

	Bài tập kiểm tra giữa kỳ	
[10] [3 tiết]	Chương 5. Cấu trúc thị trường 5.1. Cấu trúc thị trường 5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo Bài tập về thị trường cạnh tranh hoàn hảo	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[11] [4 tiết]	Chương 5. Cấu trúc thị trường (tiếp theo) 5.3. Thị trường độc quyền Bài tập về hãng độc quyền Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[12] [3 tiết]	Chương 5. Cấu trúc thị trường (tiếp theo) 5.4. Thị trường cạnh tranh độc quyền	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4; CLO6
[14] [3 tiết]	Chương 5. Cấu trúc thị trường (tiếp theo) 5.5. Thị trường độc quyền nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[14] [3 tiết]	Chương 6. Thị trường yếu tố sản xuất 6.1. Thị trường lao động 6.2. Thị trường các yếu tố sản xuất khác	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[15] [3 tiết]	Chương 7. Thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế 7.1. Thất bại của thị trường 7.2. Ngoại ứng 7.3. Hàng hóa công 7.4. Thông tin bất cân xứng 7.5. Sức mạnh của thị trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
		Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Trong từng buổi học	CLO6	

1	Quá trình học tập	Thời gian tham dự buổi học, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	30%
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
		* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: TS. Hoàng Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0973.677.368

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đào Vũ Phương Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: daovuphuonglinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977.93.40.93

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trần Lê Diệu Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranledieulinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988.75.75.16

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranthithanhnhan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0979.691.767

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0967.169.689

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Đặng Thị Thanh Loan
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ.....
- Email: dangthanhloan@qnu.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 09394751359.....

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ánh.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: nguyenkimanh@qnu.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 0905497789.....

9.3. Giảng viên 8

- Họ và tên: Hoàng Thị Bích Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: hoangthibichngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987375549

9.4. Giảng viên 9

- Họ và tên: Nguyễn Chí Tranh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenchitranh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905263399

9.5. Giảng viên 10

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Diệu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhdiem@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0948048966

9.6. Giảng viên 11

- Họ và tên: Đặng Thị Thơi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: dangthithoi@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0906501479

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
------------------------	--

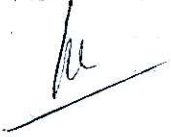
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường


Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA





TS. Đào Vũ Phương Linh TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

W. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

37. [1140171] Kinh tế vĩ mô: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ VĨ MÔ
Mã học phần: 1140171
Tên tiếng Anh: MACROECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế vĩ mô
- Mã học phần: 1140171
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 9 tiết
 - + Thảo luận: tiết
 - + Thực hành, thực tập:tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

Số tín chỉ: 3

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.

Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học và kinh tế học vĩ mô như: sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các chính sách mà chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế: Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

+ CO3: Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như: cân cân thanh toán và tỷ giá hối đoái

- Kỹ năng

CO4: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể giải thích được các biến động của nền kinh tế

CO5: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải thích được các chính sách điều tiết kinh tế của chính phủ

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định;

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các vấn đề cơ bản về kinh tế học và kinh tế vĩ mô	PLO1, PLO2	L L
CO2	CLO2	Áp dụng được các nội dung của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	PLO1, PLO2	M M
CO3	CLO3	Giải thích được sự biến động của cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO2	M M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Giải thích được các biến động của nền kinh tế	PLO4	L
CO5	CLO5	Giải thích được các chính sách điều tiết nền kinh tế của chính phủ	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Thị Cẩm Thanh (chủ biên), <i>Giáo trình kinh tế học vĩ mô</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật, (2020)
Tài liệu tham khảo thêm:	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, <i>Giáo trình kinh tế học (tập</i>

	II), nhà xuất bản kinh tế quốc dân, (2012) Nguyễn Văn Công, <i>Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô</i> , nhà xuất bản lao động, Hà Nội, (2008)
Các loại học liệu khác:	www.chinhphu.vn ; www.gso.gov.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
[1] [3 tiết]	Chương 1: Tổng quan về kinh tế vĩ mô 1.1. Những vấn đề cơ bản của kinh tế học 1.2. Các vấn đề kinh tế cơ bản trong hệ thống kinh tế 1.3. Một số vấn đề then chốt của kinh tế học vĩ mô	CLO1
[2] [3 tiết]	Chương 2: Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô 2.1. Tổng sản phẩm trong nước 2.2. Tổng thu nhập quốc dân Bài tập vận dụng	CLO1, CLO6
[3] [3 tiết]	Chương 2: Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô (tiếp theo) 2.3. Các chỉ số khác về thu nhập 2.4. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Bài tập vận dụng	CLO1, CLO4, CLO6
[4] [3 tiết]	Chương 2: Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô (tiếp theo) 2.5. Chỉ số điều chỉnh GDP 2.6. Chỉ số giá tiêu dùng	CLO1, CLO4, CLO6

	Bài tập vận dụng	
[5] [3 tiết]	Chương 3: Tổng cung - tổng cầu 3.1. Tổng cung 3.2. Tổng cầu	CLO1, CLO4, CLO6
[6] [3 tiết]	Chương 3: Tổng cung - tổng cầu (tiếp theo) 3.3. Xác định sản lượng và mức giá cân bằng 3.4. Các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn Thảo luận nhóm về tác động của các cú sốc kinh tế	CLO1, CLO4, CLO6
[7] [3 tiết]	Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa 4.1. Các thành phần của tổng cầu	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa (tiếp theo) 4.2 Sản lượng cân bằng Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa (tiếp theo) 4.3. Cân cân ngân sách chính phủ và chính sách tài khóa Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ 5.1. Tiền tệ 5.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ (tiếp theo) 5.3. Cầu tiền Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ (tiếp theo) 5.4 Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	Chương 6: Thất nghiệp và lạm phát 6.1. Thất nghiệp Bài tập vận dụng	CLO1, CLO4, CLO6
[14] [3 tiết]	Chương 6: Thất nghiệp và lạm phát (tiếp theo) 6.2. Lạm phát 6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp Bài tập vận dụng	CLO1, CLO4, CLO6
[15] [3 tiết]	Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở 7.1. Cân cân thanh toán 7.2. Tỷ giá hối đoái Bài tập vận dụng	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình ¹				40%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 9 – 10)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	30%
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Sừ Thị Thu Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: suthithuhang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0773325725

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Ngô Thị Thanh Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: ngothithanhthuy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ:

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lemykim@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ:

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

¹ Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)

- Email: nguyenthithuydung@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Sư Thị Thu Hằng TS. Hoàng Thị Hoài Hương PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TOÁN CAO CẤP CHO KINH TẾ

Mã học phần: 1140182

Tên tiếng Anh: ADVANCED MATHEMATICS FOR ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Toán cao cấp cho kinh tế
- Mã học phần: 1140182 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và những ứng dụng của chúng trong kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần cung cấp cho sinh viên công cụ để diễn giải và phân tích một số mối quan hệ cơ bản trong kinh tế vi mô và vĩ mô.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và không gian vectơ.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên những ứng dụng của ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và không gian vectơ vào việc diễn giải và giải quyết một số vấn đề kinh tế.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, sinh viên biết cách sử dụng các công cụ toán học để diễn giải và giải quyết một số nội dung trong kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp và làm bài tập nghiêm túc.

+ CO5: Sinh viên có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và không gian vectơ.	PLO1	M
CO2	CLO2	Giải thích được ứng dụng của ma trận, định thức trong phân tích kinh tế.	PLO1	M
	CLO3	Giải thích được ứng dụng của hệ phương trình tuyến tính và không gian vectơ trong phân tích kinh tế.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Giải được các bài toán trong kinh tế có sử dụng ma trận và định thức.	PLO8	L
	CLO5	Giải được bài toán tìm nghiệm hệ phương trình tuyến tính trong các mô hình kinh tế vi mô, vĩ mô.	PLO8	L
	CLO6	Trình bày được ví dụ về không gian vectơ trong kinh tế.	PLO8	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO7	Tham dự đầy đủ các giờ học trên lớp và làm bài tập đầy đủ.	PLO14	L
CO5	CLO8	Sinh viên thể hiện năng lực	PLO13	L

	học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.	
--	---	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Lê Đình Thuý, <i>Toán cao cấp cho kinh tế</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2010).
Tài liệu tham khảo thêm:	Bộ môn Toán kinh tế, <i>Bài giảng Toán cao cấp cho kinh tế</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2019).

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống giả định.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1. Ma trận và định thức 1.1. Các khái niệm về ma trận 1.2. Các phép toán trên ma trận 1.3. Tính chất của các phép toán trên ma trận Các ví dụ minh họa	CLO1
[2] [3 tiết]	Chương 1. Ma trận và định thức (tiếp theo) 1.4. Các phép biến đổi ma trận 1.5. Diễn giải những quan hệ kinh tế thông qua ma trận và các phép toán ma trận Các ví dụ minh họa	CLO1, CLO2
[3] [3 tiết]	Chương 1. Ma trận và định thức (tiếp theo) 1.6. Khái niệm định thức 1.7. Tính chất định thức 1.8. Công thức khai triển định thức Ví dụ minh họa	CLO1
[4] [3 tiết]	Chương 1. Ma trận và định thức (tiếp theo) 1.9. Ma trận nghịch đảo 1.10. Hạng của ma trận Bài tập chương 1	CLO1, CLO2, CLO4, CLO7, CLO8
[5]	Chương 1. Ma trận và định thức (tiếp theo)	CLO1, CLO2, CLO4,

[3 tiết]	Bài tập chương 1 (tiếp theo)	CLO7, CLO8
[6] [3 tiết]	Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng trong phân tích kinh tế 2.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính 2.2. Một số dạng đặc biệt của hệ phương trình tuyến tính 2.3. Tập nghiệm và điều kiện tồn tại nghiệm của hệ phương trình tuyến tính	CLO1
[7] [3 tiết]	Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng trong phân tích kinh tế (tiếp theo) 2.4. Phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính Ví dụ minh họa	CLO1
[8] [3 tiết]	Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng trong phân tích kinh tế (tiếp theo) 2.5. Ứng dụng phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính trong phân tích kinh tế Bài tập chương 2	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8
[9] [3 tiết]	Chương 3: Không gian vector n chiều 3.1. Vector n chiều 3.2. Không gian vector n chiều 3.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian n chiều 3.4. Cơ sở của không gian n chiều và tọa độ của một vector Bài tập chương 3	CLO1, CLO3, CLO6, CLO7, CLO8
[10] [3 tiết]	Chương 3: Không gian vector n chiều (tiếp theo) Bài kiểm tra giữa kì tại lớp	CLO2, CLO4

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Trong từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	5%	30%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO1, CLO2, CLO3,	5%	

		học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		CLO4		
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO2, CLO4	10%	
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO4	70%	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Bảo Duy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: tranbaoduy@qnu.edu.vn

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Email: ngonumaiquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Lê Thy Hà Vân

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lethyhavan@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0988 360 678

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

ThS. Ngô Nữ Mai Quỳnh

TS. Trương Thị Thanh Phương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Đ. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

+ CO3: Sau khi học xong học phần, người học biết cách sử dụng một số công cụ toán học để diễn giải và giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

+ CO5: Người học tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các kiến thức cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân.	PLO1	M
CO2	CLO2	Giải thích được ứng dụng của hàm số một biến, hàm số nhiều biến trong phân tích kinh tế.	PLO1	M
	CLO3	Giải thích được ứng dụng của phép toán tích phân, phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Nêu được các ví dụ về ứng dụng của một số công cụ toán học trong phân tích kinh tế. Sử dụng được đạo hàm để tính giá trị cận biên, hệ số co giãn, giải quyết bài toán tối ưu trong kinh tế, lý giải quy luật năng suất cận biên giảm dần, giải thích được bản chất mối quan hệ giữa hàm bình quân và hàm cận biên.	PLO8	L
	CLO5	Biết tính thặng dư sản xuất,	PLO8	L

		thặng dư tiêu dùng, thặng dư xã hội, tính giá trị dòng tiền, lý giải sự điều chỉnh giá của thị trường.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Người học thể hiện năng lực học tập suốt đời, năng lực tự học, tự nghiên cứu.	PLO13	L
CO5	CLO7	Người học tham gia học tập với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.	PLO14	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trương Thị Thanh Phượng, Phạm Thị Thanh Cẩm, Ngô Nữ Mai Quỳnh, Lê Thy Hà Vân, <i>Giáo trình Toán Kinh tế</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, (2018).
Tài liệu tham khảo thêm:	Lê Đình Thuý, Nguyễn Quỳnh Lan, <i>Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2012).
Các loại học liệu khác:	www.vi.wikipedia.org www.en.wikipedia.org

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1. Hàm số một biến và ứng dụng trong kinh tế 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Giới hạn và tính liên tục	CLO1
[2]	Chương 1. Hàm số một biến và ứng dụng trong	CLO1

[3 tiết]	kinh tế (tiếp theo) 1.3. Đạo hàm 1.4. Vi phân 1.5. Các định lý cơ bản về hàm khả vi	
[3] [3 tiết]	Chương 1. Hàm số một biến và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 1.6. Ứng dụng của đạo hàm trong khảo sát hàm số 1.7. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	Bài tập chương 1	CLO1, CLO2, CLO4
[5] [3 tiết]	Chương 2. Hàm số nhiều biến và ứng dụng trong kinh tế 2.1. Các khái niệm cơ bản 2.2. Giới hạn và tính liên tục 2.3. Đạo hàm riêng	CLO1
[6] [3 tiết]	Chương 2. Hàm số nhiều biến và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 2.4. Vi phân 2.5. Ứng dụng đạo hàm riêng trong phân tích kinh tế 2.6. Hàm thuần nhất và vấn đề hiệu suất của quy mô	CLO1, CLO2
[7] [3 tiết]	Chương 2. Hàm số nhiều biến và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 2.7. Cực trị không điều kiện ràng buộc của hàm nhiều biến	CLO1, CLO2
[8] [3 tiết]	Chương 2. Hàm số nhiều biến và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 2.8. Cực trị có điều kiện ràng buộc của hàm nhiều biến	CLO1, CLO2
[9] [3 tiết]	Bài tập chương 2	CLO1, CLO2, CLO4
[10]	Bài tập chương 2 (tiếp theo)	
[11] [3 tiết]	Chương 3. Tích phân và ứng dụng trong kinh tế 3.1. Tích phân bất định 3.2. Tích phân xác định	CLO1, CLO3
[12] [3 tiết]	Chương 3. Tích phân và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 3.3. Tích phân suy rộng Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6, CLO7
[13] [3 tiết]	Chương 3. Tích phân và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo)	CLO1, CLO3, CLO5

	3.4 Bài tập	
[14] [3 tiết]	Chương 4. Phương trình vi phân và ứng dụng trong kinh tế 4.1. Các khái niệm cơ bản 4.2. Phương trình vi phân cấp một	CLO1
[15] [3 tiết]	Chương 4. Phương trình vi phân và ứng dụng trong kinh tế (tiếp theo) 4.3. Ứng dụng của phương trình vi phân trong kinh tế 4.4. Bài tập	CLO1, CLO3, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	5%	30%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	5%	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70%	70%



9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Bảo Duy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranbaoduy@qnu.edu.vn

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngonumaiquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Lê Thy Hà Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethyhavan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988 360 678

10. Các quy định chung


Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



ThS. Lê Thy Hà Vân

TS. Trương Thị Thanh Phương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

N. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TIN HỌC CƠ SỞ (Kinh Tế)

Mã học phần: 1050243

Tên tiếng Anh: BASIC INFORMATICS

1. Thông tin chung về học phần:

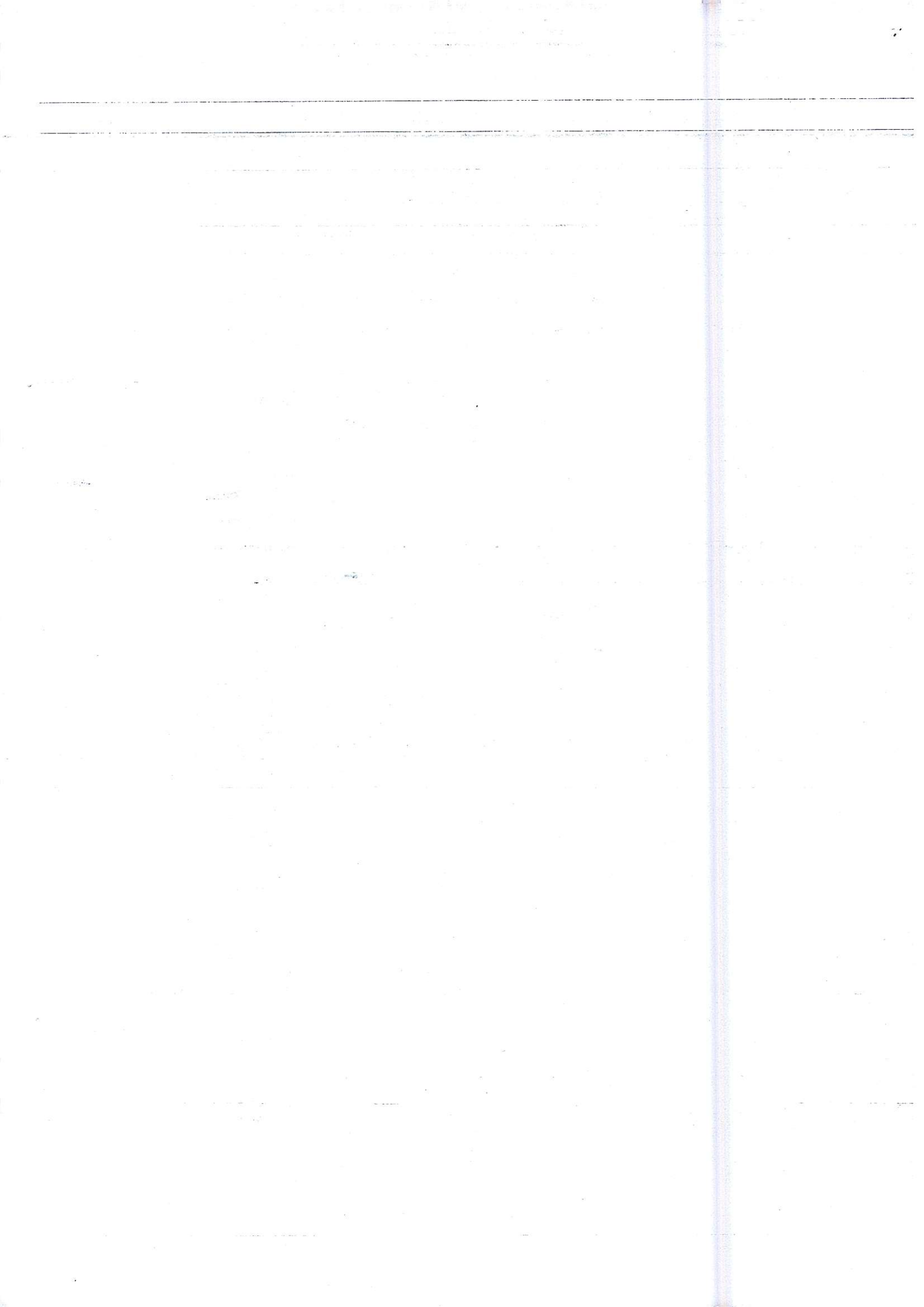
- Tên học phần: Tin học cơ sở
- Mã học phần: **1050243** Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm:
 - + Thực hành, thực tập: 30 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học: 90 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin.

2. Mô tả học phần

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức
- + **CO1:** Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng cho nhóm ngành kinh tế.
- + **CO2:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức về Python để giải quyết các bài toán thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu.
- + **CO3:** Trang bị kiến thức cho sinh viên có thể sử dụng máy tính, giao tiếp với



máy tính bằng những dòng lệnh, thao tác trên công cụ có sẵn để tổ chức lưu trữ, xử lý, hiển thị dữ liệu.

- Kỹ năng

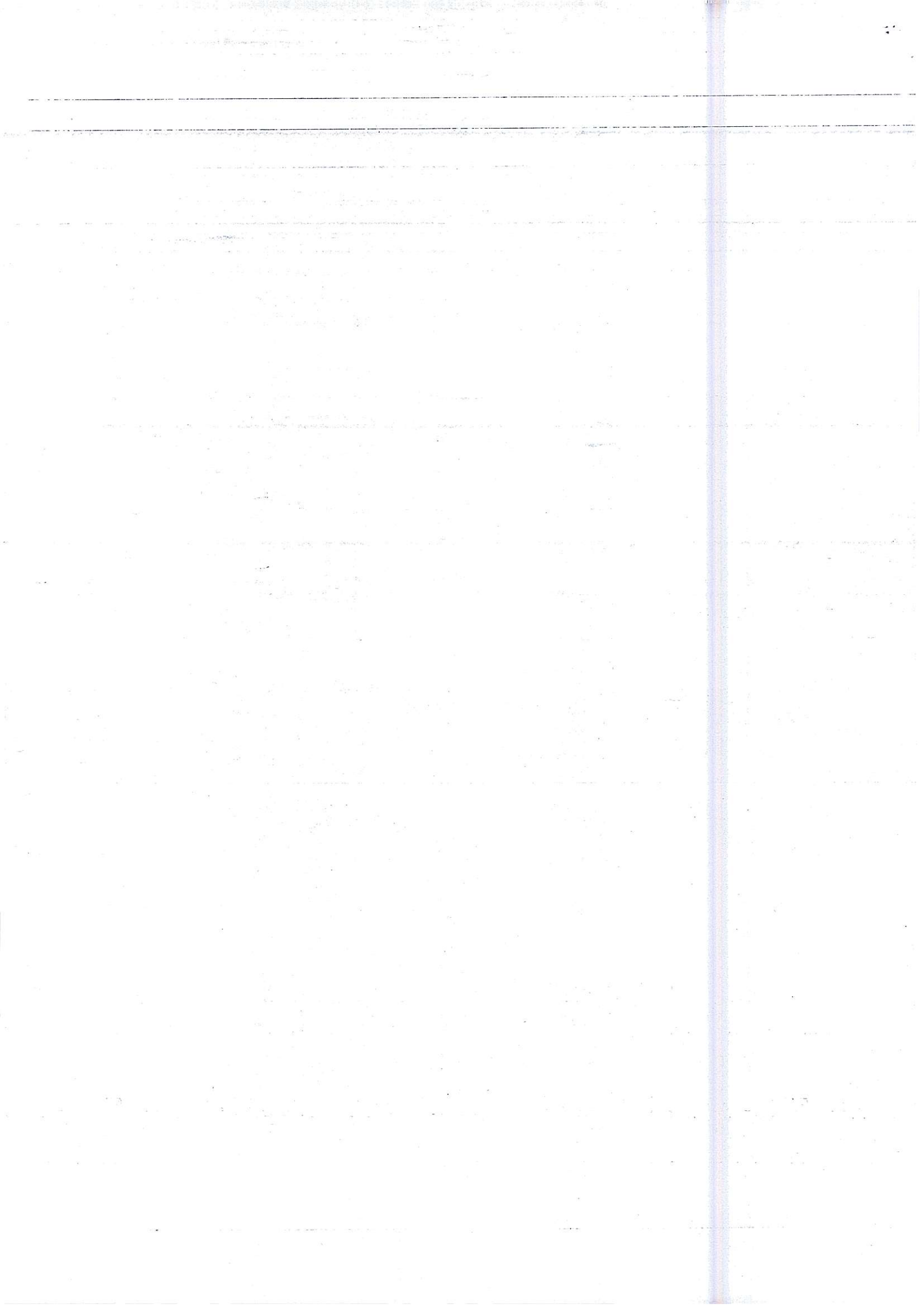
+ CO4: Sử dụng được công cụ trong Công nghệ thông tin giải quyết bài toán hiện có.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập, tự nghiên cứu, sử dụng kiến thức đã được trang bị ứng dụng vào công việc thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		CĐR CTĐT (PLOs)	Mức độ CĐR
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1	CLO1	Biết, hiểu kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số.	PLO ₂	M
CO2	CLO2	Biết và hiểu được các ứng dụng đặc trưng của Tin học cho nhóm ngành kinh tế	PLO ₂	M
	CLO3	Biết, hiểu được những yêu cầu, các bước chuẩn bị, thông tin đầu vào, kết quả đầu ra của các ứng dụng.	PLO ₂	M
	CLO4	Hiểu vai trò của dữ liệu. Sử dụng được công cụ để thao tác đơn giản trên dữ liệu.	PLO ₂	M
CO3	CLO5	Hiểu và sử dụng ngôn ngữ giao tiếp với máy tính để khai thác dữ liệu	PLO ₂	M
	CLO6	Hiểu và sử dụng thông tin nhận được từ máy tính phục vụ cho công việc chuyên môn: Báo cáo, dự báo, thống kê, trực quan hóa dữ liệu.	PLO ₂	M
Kỹ năng				
CO4	CLO7	Có kỹ năng sử dụng công cụ trong Tin học để lưu trữ, xử lý, ứng dụng thông tin vào công việc.	PLO ₈	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO8	Có thái độ nghiêm túc, chủ động trong việc lĩnh hội và sử dụng tri thức trong	PLO ₁₃ PLO ₁₄	M



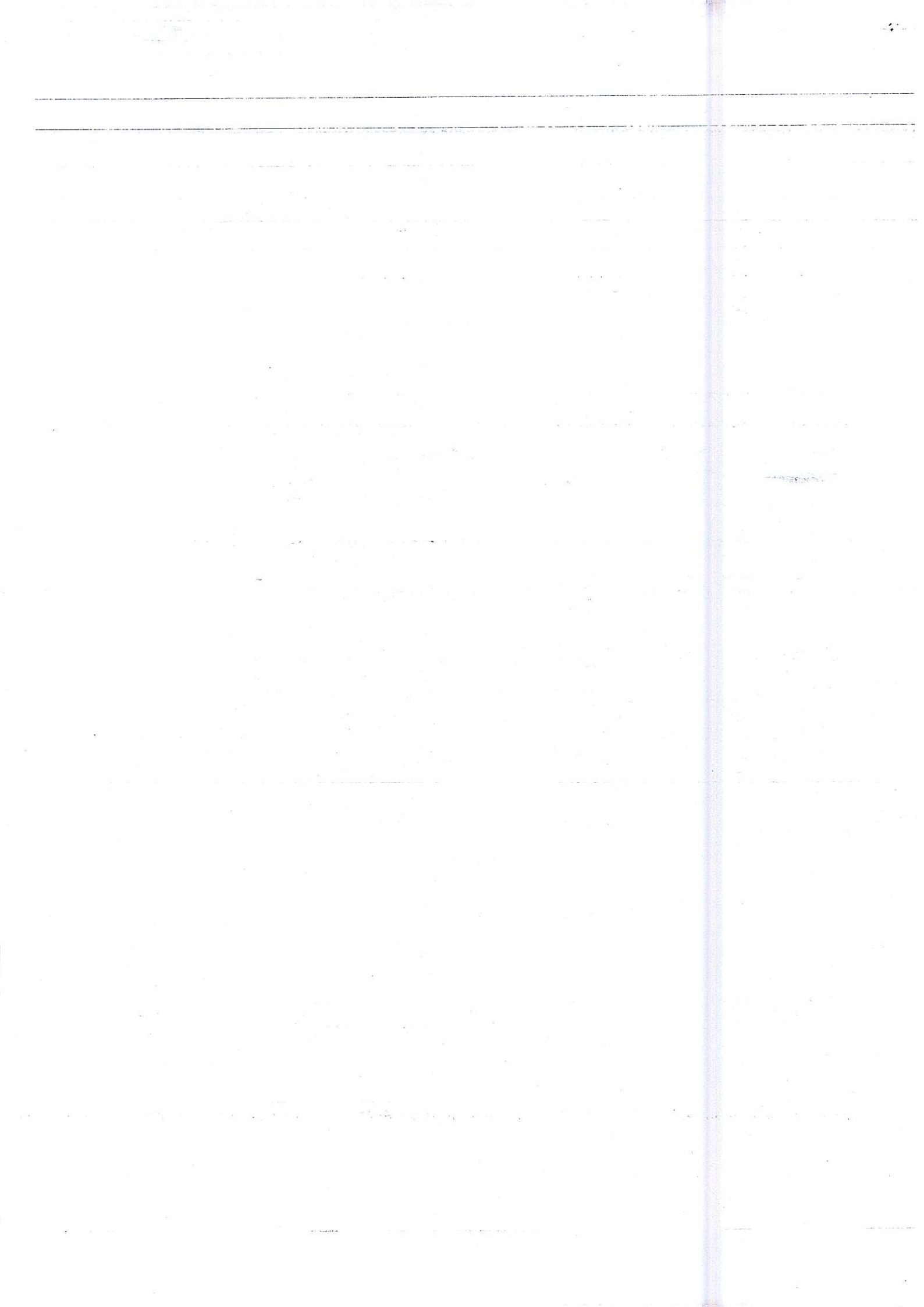
	học tập, tự nghiên cứu, ứng dụng.		
--	-----------------------------------	--	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. A.J.Henley, Dave Woft, “Learn Data Analysis with Python Lessons In Coding”, Apress, 2018.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2]. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, “Phát triển nền kinh tế số”, 2018 [3]. Hồ Tú Bảo, “Thời chuyển đổi số-Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu”, Viện John von Neumann, TP. Hồ Chí Minh, 2018 [4]. Nguyễn Trường Thắng và các tác giả, “Các công nghệ nền tảng trong cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 và đổi sách của các nước trên thế giới”, Viện Công nghệ thông tin – Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2018 [5]. Ossama Embarak, “Data Analysis and Visualization Using Python”, Apress, 2018
Các loại học liệu khác:	

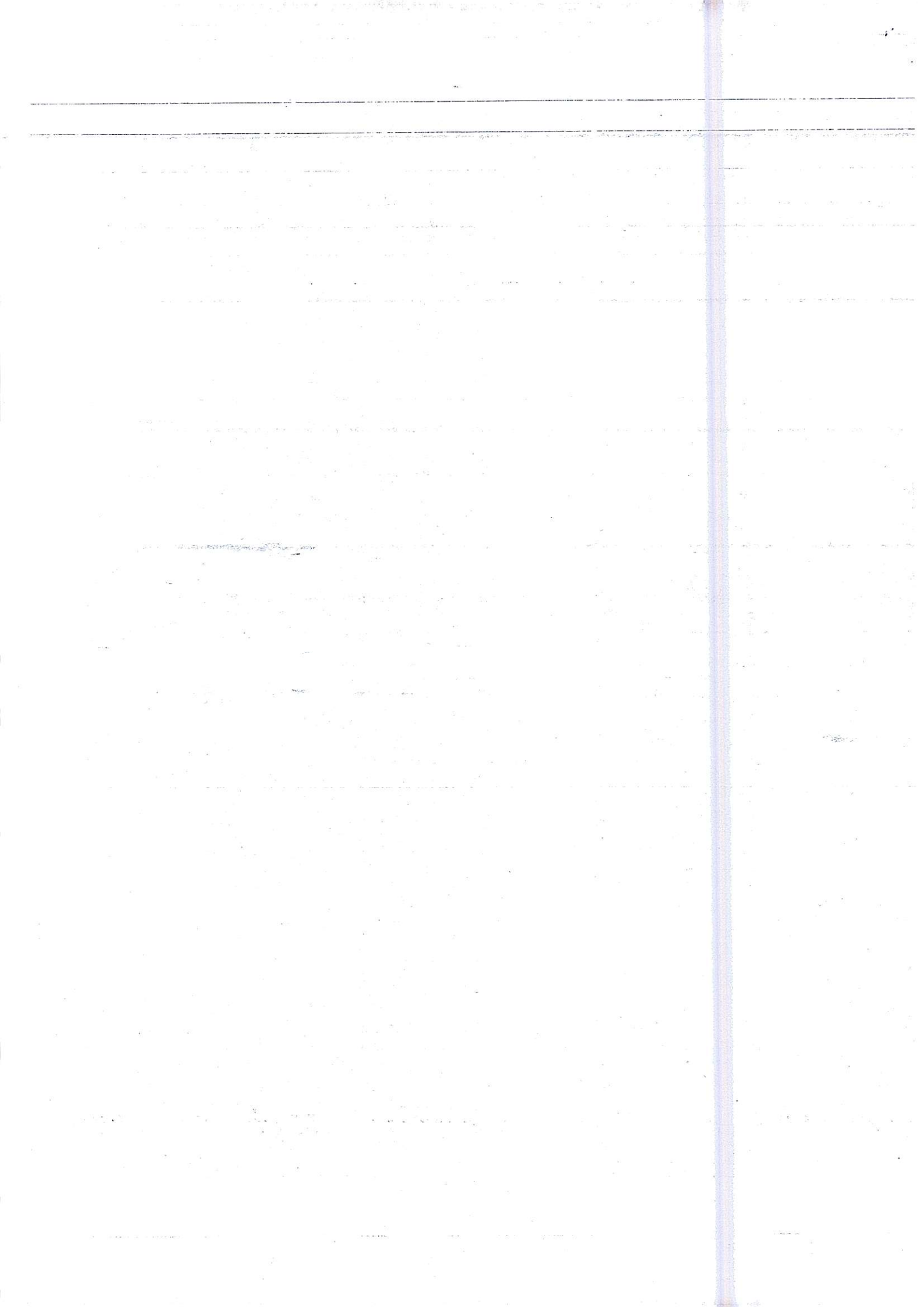
6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6 CLO7, CLO8
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của SV để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày của sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6 CLO7, CLO8
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài toán thực tế được phát biểu thành bài tập	CLO3 CLO4, CLO5, CLO6
Thực hành	Giải quyết các bài toán trong ngành sinh viên học bằng những kiến thức đã được cung cấp, sử dụng máy tính và các công cụ được cung cấp để thực hành	CLO3 CLO4, CLO5, CLO6



7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1 (3 tiết)	Chương 1: Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số 1.1. Vai trò của Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 1.2. Vai trò của Tin học trong chuyển đổi số, kinh tế số 1.3. Những ứng dụng hiện tại và trong tương lai của Tin học trong nền kinh tế số.	CLO1 CLO7 CLO8
Buổi 2 (3 tiết)	Chương 2. Python và môi trường làm việc 2.1. Giới thiệu về Python. 2.2. Lập trình Python đơn giản	CLO2 CLO3
Buổi 3 (3 tiết)	Bài thực hành số 1: Thực hành tìm hiểu môi trường lập trình Python để giải quyết bài toán, tìm hiểu yêu cầu của bài toán.	CLO2 CLO7 CLO8
Buổi 4 (3 tiết)	Chương 2. Python và môi trường làm việc (tt) 2.3. Anaconda 2.4. Jupiter notebook	CLO2 CLO3
Buổi 5 (3 tiết)	Bài thực hành số 2: Thực hành tìm hiểu môi trường làm việc của Jupiter notebook, Anaconda và thao tác trên dữ liệu của bài toán đã đưa ra	CLO2 CLO3 CLO7 CLO8
Buổi 6 (3 tiết)	Bài thực hành số 3: Thực hành làm việc Python trên môi trường của Jupiter notebook, Anaconda và thao tác trên dữ liệu của bài toán đã đưa ra	CLO2 CLO3 CLO7 CLO8
Buổi 7 (3 tiết)	Chương 3. Dữ liệu vào, ra của Python 3.1. Giới thiệu về dữ liệu và các dạng file dữ liệu 3.2. Sử dụng và lưu trữ dữ liệu dạng file CSV 3.3. Sử dụng và lưu trữ dữ liệu dạng file Excel	CLO4 CLO5
Buổi 8 (3 tiết)	Chương 3. Dữ liệu vào, ra của Python (tt) 3.4. Sử dụng và lưu trữ dữ liệu dạng file SQL 3.5. Tìm hiểu thao tác trên nhiều dạng dữ liệu	CLO4 CLO5
Buổi 9 (3 tiết)	Bài thực hành số 4: Thực hành sử dụng các file dữ liệu khác nhau cho bài toán.	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
Buổi 10 (3 tiết)	Chương 4. Giới thiệu thao tác cơ bản trên dữ liệu 4.1 Cách làm sạch dữ liệu sử dụng công cụ. 4.2. Cách tổ chức dữ liệu 4.3. Tính toán thống kê đơn giản	CLO4 CLO5
Buổi 11 (3 tiết)	Chương 4. Giới thiệu thao tác cơ bản trên dữ liệu (tt) 4.4. Sắp xếp dữ liệu	CLO4 CLO5

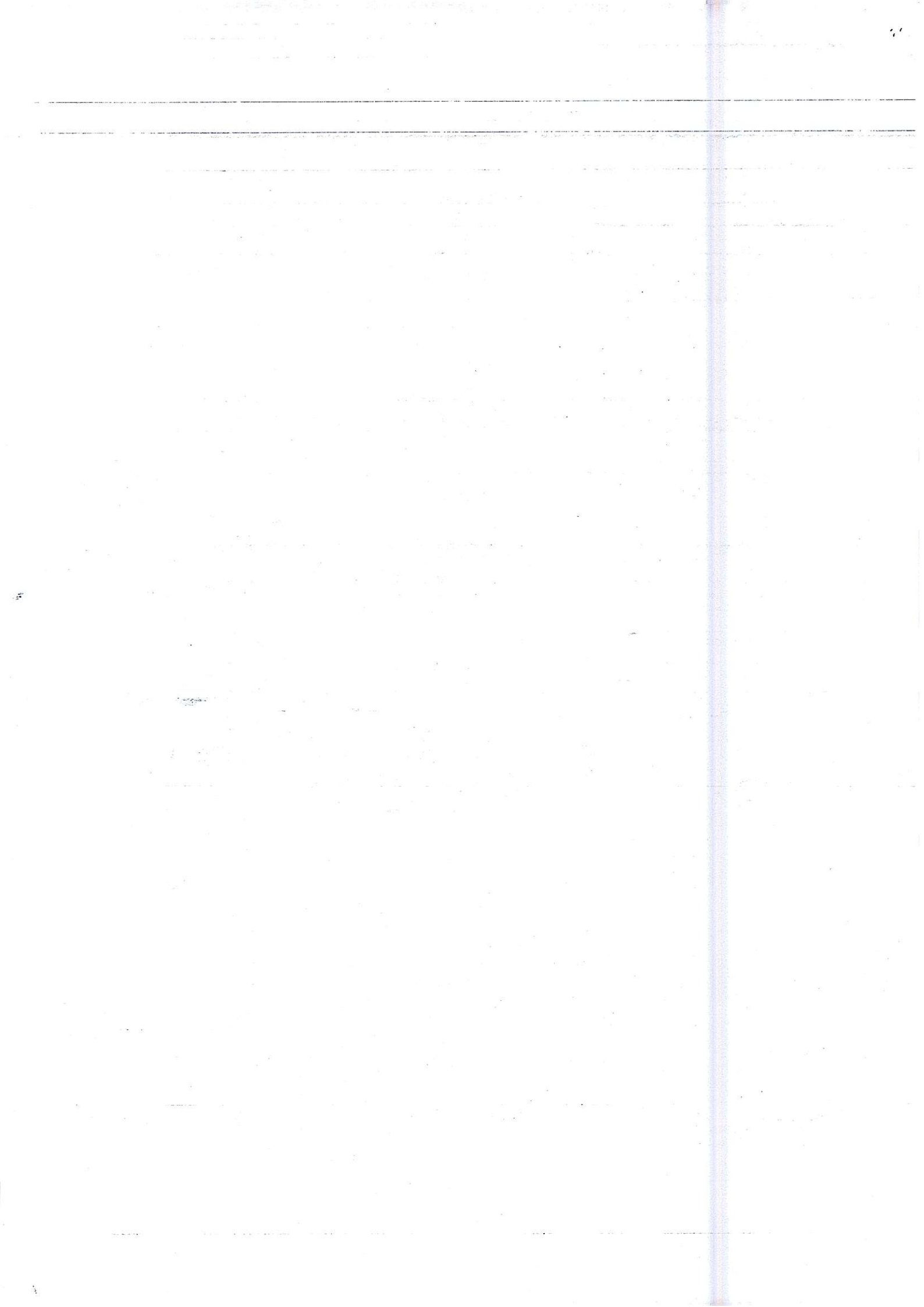


	4.5. Pivot table 4.6. Bài Tập	
Buổi 12 (3 tiết)	Bài thực hành số 5: Thực hành tổ chức dữ liệu và làm sạch dữ liệu cho bài toán.	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
Buổi 13 (3 tiết)	Bài thực hành số 6: Thực hành các thao tác xử lý đơn giản: thống kê, sắp xếp, Pivot table cho bài toán.	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
Buổi 14 (3 tiết)	Chương 5. Giới thiệu trực quan hóa cho dữ liệu 5.1. Chất lượng dữ liệu cho báo cáo 5.2. Biểu diễn dữ liệu bằng đồ thị, hình ảnh sử dụng các thư viện có sẵn.	CLO6
Buổi 15 (3 tiết)	Bài thực hành số 7: Thực hành sử dụng các thư viện có sẵn để hiển thị trực quan hóa cho dữ liệu theo yêu cầu của bài toán.	CLO6 CLO7 CLO8
Buổi 16 (3 tiết)	Bài thực hành số 8: Thực hành trực quan hóa dữ liệu theo yêu cầu của bài toán trên những dạng khác nhau.	CLO6 CLO7 CLO8
Buổi 17 (3 tiết)	Chương 6. Thực hiện thao tác trên dữ liệu cụ thể 6.1. Tìm kiếm dữ liệu 6.2. Tổ chức dữ liệu 6.3. Nhập và lưu trữ dữ liệu	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Buổi 18 (3 tiết)	Chương 6. Thực hiện thao tác trên dữ liệu cụ thể (tt) 6.4. Xử lý dữ liệu đơn giản theo yêu cầu của bài toán 6.5. Sử dụng kết quả đầu ra của dữ liệu 6.6. Bài tập	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Buổi 19 (3 tiết)	Bài thực hành số 9: Thực hành các thao tác tìm kiếm, tổ chức, nhập và lưu trữ dữ liệu cho bài toán cụ thể.	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Buổi 20 (3 tiết)	Bài thực hành số 10: Thực hành xử lý và trực quan hóa cho dữ liệu theo các yêu cầu bài toán.	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8

8. Phương thức đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR	Trọng số
-----	-----------	-------------------	-----------	-----	----------



	đánh giá			của HP	
1	<i>Quá trình học tập</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Suốt quá trình đào tạo môn học	CLO7 CLO8	30%
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân trên máy tính	Làm bài kiểm tra vào giữa thời lượng đào tạo của học phần	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4,	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Vấn đáp các kết quả thực hiện giải bài toán trên máy tính.	Kết thúc môn học	CLO3 CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hồ Văn Lâm
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: hovanlam@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0919391719

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Đình Sinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: sinhphandinh@yahoo.com

Điện thoại liên hệ: 0913455288

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.



Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Các quy tắc khác thực hiện theo quy định đào tạo của Nhà trường.
Các quy định khác	Không.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Hồ Văn Lâm



TS. Trần Thiên Thành



TS. Lê Xuân Việt



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn



Handwritten text, possibly a signature or name, located below the circular stamp. The text is illegible due to fading and low resolution.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN

Mã học phần: 1140187

Tên tiếng Anh: THEORY OF PROBABILITY AND MATHEMATICAL STATISTICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán
- Mã học phần: 1140187 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Toán cao cấp cho kinh tế
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):.....
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê và một số ứng dụng của công cụ xác suất và thống kê trong kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để diễn giải và giải quyết một số hiện tượng kinh tế - xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.
 - + CO2: Trang bị cho người học một số ứng dụng của công cụ xác suất, thống kê trong diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, người học biết cách sử dụng một số công cụ xác suất và thống kê toán để diễn giải và giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

+ CO5: Người học tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.	PLO1	L
CO2	CLO2	Nhận biết được ứng dụng của một số công cụ xác suất trong việc lý giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.	PLO1	L
	CLO3	Giải thích được ứng dụng của một số công cụ thống kê trong việc lý giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Mô tả được biến cố và xác suất của biến cố, nhắc lại được các ví dụ về biến ngẫu nhiên trong kinh tế và các hoạt động sản xuất kinh doanh, trình bày được quy luật phân phối của một số biến ngẫu nhiên thông dụng thường gặp.	PLO8	L
	CLO5	Thực hiện được bài toán ước	PLO8	L

		lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.	PLO13	L
	CLO7	Người học tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.	PLO14	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Cao Văn (Chủ biên), Trần Thái Ninh, <i>Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2008).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Đặng Hùng Thắng, <i>Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, (2015). 2. Đặng Hùng Thắng, <i>Thống kê và ứng dụng</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, (2012).
Các loại học liệu khác:	www.vi.wikipedia.org www.en.wikipedia.org

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1: Biến cố và xác suất 1.1. Bổ túc về giải tích tổ hợp 1.2. Biến cố và quan hệ giữa các biến cố	CLO1, CLO2
[2] [3 tiết]	Chương 1: Biến cố và xác suất (tiếp theo) Xác suất của biến cố	CLO1, CLO2, CLO4

	1.3. Các công thức tính xác suất 1.4. Bài tập	
[3] [3 tiết]	Chương 2: Biến ngẫu nhiên 2.1. Biến ngẫu nhiên và quy luật phân bố xác suất 2.2. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	Chương 2: Biến ngẫu nhiên (tiếp theo) 2.3. Luật số lớn 2.4. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[5] [3 tiết]	Chương 3: Một số phân phối xác suất thông dụng 3.1. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên liên tục 3.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc 3.3. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[6] [3 tiết]	Chương 4: Biến ngẫu nhiên hai chiều 4.1. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên hai chiều 4.2. Hiệp phương sai và hệ số tương quan 4.3. Phân phối chuẩn hai chiều 4.4. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[7] [3 tiết]	Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu 5.1. Tổng thể và mẫu 5.2. Mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu 5.3. Mẫu ngẫu nhiên hai chiều 5.4. Phân phối xác suất của các đặc trưng mẫu	CLO1, CLO3
[8] [3 tiết]	Chương 6: Ước lượng tham số 6.1. Ước lượng điểm 6.2. Ước lượng khoảng tin cậy 6.3. Bài tập	CLO1, CLO3, CLO5
[9] [3 tiết]	Chương 7: Kiểm định giả thuyết thống kê 7.1. Các khái niệm 7.2. Kiểm định tham số	CLO1, CLO3
[10] [3 tiết]	Chương 7: Kiểm định giả thuyết thống kê (tiếp theo) 7.3. Kiểm định về sự bằng nhau của hai tham số 7.4. Kiểm định phi tham số Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của	Trọng số
-----	-----------	-------------------	-----------	---------	----------

	đánh giá			HP	Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6, CLO7	5%	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO2, CLO4	10%	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Bảo Duy

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: tranbaoduy@qnu.edu.vn

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hoàng Mạnh Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: hoangmanhhung@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0964 136 839

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngonumaiquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Lê Thy Hà Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethyhavan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988360678

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường


Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Trương Thị Thanh Phương

TS. Trương Thị Thanh Phương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: MARKETING CĂN BẢN
Mã học phần: 1150035
Tên tiếng Anh: BASIC MARKETING

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Marketing căn bản
- Mã học phần: 1150035 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

2. Mô tả học phần

Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về marketing như: Sự ra đời và phát triển của marketing, các khái niệm cốt lõi của marketing, quản trị marketing và các quan

điểm quản trị marketing, tiên trình quản trị marketing, hệ thống thông tin marketing.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến nội dung marketing như: Môi trường marketing; nghiên cứu marketing; hành vi mua của khách hàng; phân đoạn thị trường, chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường; các chính sách marketing -mix; lập kế hoạch marketing.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần giúp sinh viên có thể áp dụng các nội liên quan đến hoạt động marketing trong tổ chức.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; rèn luyện cho người học ý thức kỷ luật, tham gia học tập tích cực và ý chí cầu tiến.

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được kiến thức tổng quan về marketing	PLO1	L
CO2	CLO2	Hiểu được kiến thức liên quan đến các nội dung của marketing	PLO1	L
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Áp dụng các kiến thức liên quan đến marketing vào thực tiễn hoạt động của tổ chức	PLO12	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Trần Minh Đạo, <i>Giáo trình Marketing căn bản</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2015. 2. Nguyễn Hà Thanh Thảo, Lê Dzu Nhật, Nguyễn Bá Phước, <i>Bài giảng Marketing căn bản</i> , Tài liệu lưu hành nội bộ trường Đại học Quy Nhơn, 2022.
Tài liệu tham khảo thêm:	3. Phillip Kotler, Armstrong, <i>Principle Of Marketing</i> , Printice

	Hall – Eleventh edition, 2006 4. Philip Kotler, <i>Marketing căn bản</i> , NXB Thống Kê, 2009
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế	CLO1, CLO2, CLO3

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
[1] [3 tiết]	Chương 1: Bản chất của Marketing 1.1. Khái quát chung về Marketing 1.2. Các quan điểm quản trị Marketing	CLO1
[2] [3 tiết]	Chương 1: Bản chất của Marketing 1.2. Các quan điểm quản trị Marketing (tiếp theo) Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing 2.1. Hệ thống thông tin Marketing (MIS)	CLO1, CLO2
[3] [3 tiết]	Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing 2.2. Nghiên cứu Marketing	CLO2, CLO3
[4] [3 tiết]	Chương 3: Môi trường Marketing 3.1. Khái niệm và đặc trưng của môi trường Marketing 3.2. Môi trường vĩ mô	CLO2, CLO3
[5] [3 tiết]	Chương 3: Môi trường Marketing 3.3. Môi trường vi mô Bài tập vận dụng Chương 4: Hành vi mua của khách hàng 4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng	CLO2, CLO3, CLO4
[6]	Chương 4: Hành vi mua của khách hàng	CLO2, CLO3, CLO4

[2 tiết]	4.2. Hành vi mua của các tổ chức	
[7] [3 tiết]	Chương 5: Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm 5.1. Phân đoạn thị trường 5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu	CLO2, CLO3, CLO4
[8] [3 tiết]	Chương 5: Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm 5.3. Định vị sản phẩm Chương 6: Chính sách sản phẩm 6.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 6.2. Các quyết định về sản phẩm	CLO2, CLO3, CLO4
[9] [3 tiết]	Chương 6: Chính sách sản phẩm 6.3. Chính sách về sản phẩm mới 6.4. Nghiên cứu về chu kỳ sống của sản phẩm	CLO2, CLO3, CLO4
[10] [3 tiết]	Chương 7: Chính sách giá 7.1. Khái quát chung về giá 7.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá 7.3. Xác định mức giá bán	CLO2, CLO3, CLO4
[11] [3 tiết]	Chương 7: Chính sách giá 7.4. Các chính sách giá Bài tập vận dụng Chương 8: Chính sách phân phối 8.1. Tổng quan về kênh phân phối 8.2. Cấu trúc kênh phân phối	CLO2, CLO3, CLO4
[12] [3 tiết]	Chương 8: Chính sách phân phối 8.3. Tổ chức của kênh phân phối 8.4. Lựa chọn và quản trị kênh phân phối 8.5. Quyết định về phân phối vật chất 8.6. Các tổ chức bán buôn và bán lẻ Bài tập vận dụng	CLO2, CLO3, CLO4
[13] [3 tiết]	Chương 9: Chính sách xúc tiến hỗn hợp 9.1. Khái niệm về xúc tiến hỗn hợp 9.2. Các bước tiến hành	CLO2, CLO3, CLO4
[14] [3 tiết]	Chương 9: Chính sách về xúc tiến hỗn hợp 9.3. Hệ thống xúc tiến hỗn hợp 9.4. Xác định ngân sách cho hoạt động xúc tiến hỗn hợp Bài tập vận dụng	CLO2, CLO3, CLO4
[15]	Chương 10: Kế hoạch hóa marketing	CLO2, CLO3, CLO4

[2 tiết]	10.1. Bản chất, phạm vi của lập kế hoạch 10.2. Lập kế hoạch chiến lược công ty	
[16] [2 tiết]	Chương 10: Kế hoạch hóa marketing 10.3. Lập kế hoạch marketing chiến lược	CLO2, CLO3, CLO4

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Chuyên cần: Thực hiện tốt nội quy lớp học: đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực đóng góp xây dựng bài và các hoạt động khác	Theo từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
		Kiểm tra nhanh tại lớp; thảo luận, làm việc nhóm : Có chuẩn bị bài, tích cực tham gia thảo luận, thực hiện các yêu cầu của giảng viên giảng dạy	Theo từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
		Kiểm tra giữa kỳ hoặc bài tập cá nhân hoặc bài báo cáo nhóm: Theo đáp án của giảng viên ra đề hoặc theo quy định của giảng viên giảng dạy	Theo tiến độ (Tiết 27)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Trắc nghiệm. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Hà Thanh Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: nguyenhathanhthao@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914321888

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Dzu Nhật
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: ledzunhat@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934.990.488

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Bá Phước
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenbaphuoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0978012491

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Thịnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: nguyenhoangthinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905772799

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực trao đổi phát biểu ý kiến
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo

TS. Lê Dzu Nhật

TS. Đặng Thị Thanh Loan

K. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Mã học phần: 1140048
Tên tiếng Anh: ACCOUNTING PRINCIPLES

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nguyên lý kế toán
- Mã học phần: 1140048 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): học trước các học phần về Kế toán tài chính
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên ngành kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất lý thuyết hạch toán kế toán: khái niệm, nguyên tắc kế toán; đối tượng, nội dung và phương pháp hạch toán kế toán.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp được sử dụng trong hạch toán kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.

+ CO3: Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

- Kỹ năng

+ CO4: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nhận diện và định khoản tốt các nghiệp vụ kinh tế trong đơn vị hạch toán, lập được một số báo cáo tài chính quan trọng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; thể hiện phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLOs: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán kế toán vào thực tiễn	PLO2	H
CO2	CLO2	Áp dụng được các phương pháp được sử dụng trong hạch toán kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.	PLO2	H
CO3	CLO3	Áp dụng được một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực	PLO2	H

		tiền.		
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Phân tích được các định khoản kế toán phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp/đơn vị	PLO8	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M
CO6	CLO6	Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Thị Cẩm Thanh – Nguyễn Ngọc Tiên, <i>Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, (2007)
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Võ Văn Nhi, <i>Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Tài chính, (2017) 2. Nguyễn Văn Công, <i>Bài tập Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân, (2007)
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn ; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên hiểu rõ từng nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
-------------------	--	------------------------------

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1: Tổng quan về hạch toán kế toán 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của hạch toán 1.2. Các bộ phận cấu thành hạch toán 1.3. Hạch toán kế toán trong hệ thống thông tin quản lý 1.4. Một số khái niệm và nguyên tắc kế toán	CLO1
[2] [3 tiết]	Chương 1: Tổng quan về hạch toán kế toán (tiếp theo) 1.5. Đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán 1.6. Phương pháp nghiên cứu của hạch toán kế toán Bài tập vận dụng	CLO1
[3] [3 tiết]	Chương 2: Phương pháp chứng từ 2.1. Khái quát chung về phương pháp chứng từ 2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	Chương 2: Phương pháp chứng từ (tiếp theo) 2.3. Tổ chức công tác lập và xử lý chứng từ kế toán Bài tập nhóm về chứng từ	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	Chương 3: Phương pháp tính giá 3.1. Khái quát chung về phương pháp tính giá 3.2. Tính giá tài sản mua ngoài 3.3. Tính giá sản phẩm, dịch vụ sản xuất Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	Chương 3: Phương pháp tính giá (tiếp theo) 3.4. Tính giá hàng xuất kho Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản 4.1. Khái quát chung 4.2. Tài khoản kế toán 4.3. Cấp tài khoản 4.4. Quan hệ đối ứng tài khoản 4.5. Quan hệ đối ứng kế toán	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6

	Bài tập nhóm về các quan hệ đối ứng kế toán	
[8] [3 tiết]	Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản (tiếp theo) 4.6. Kiểm tra, đối chiếu việc ghi chép trên tài khoản 4.7. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản (tiếp theo) 4.8. Phương pháp sửa chữa sai sót kế toán Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	Chương 5: Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán 5.1. Sự cần thiết và hình thức biểu hiện của phương pháp tổng hợp – cân đối 5.2. Nội dung và yêu cầu đối với báo cáo kế toán Bài tập vận dụng Bài kiểm tra tại lớp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	Chương 5: Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán (tiếp theo) 5.3. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp Bài tập nhóm về lập báo cáo tài chính doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu 6.1. Giai đoạn cung cấp Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu (tiếp theo) 6.2. Giai đoạn sản xuất Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu (tiếp theo) 6.3. Giai đoạn tiêu thụ Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	Chương 7: Sổ sách kế toán – Hình thức kế toán – Bộ máy kế toán 7.1. Sổ sách kế toán 7.2. Hình thức kế toán	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	7.3. Bộ máy kế toán của doanh nghiệp Bài tập thảo luận nhóm về sổ sách, bộ máy kế toán	
--	---	--

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình				40%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	10%
	Bài tập ở nhà và tại lớp	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
		Bài kiểm tra: Tính giá, định khoản và xác định quan hệ đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối kế toán. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Kết thúc chương 3,4,5		10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO2, CLO3	10%
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Cẩm Thanh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Email: tranthicamthanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0913 499 523

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Huyền Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: dohuyentrang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0941231579

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



Trần Thị Cẩm Thanh

Trần Thị Cẩm Thanh

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn



10/10/2010

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS.....
 - Email: nguyenkimhien@qnu.edu.vn..... Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

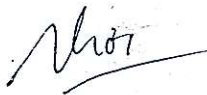
Cam kết của giảng viên	Giảng dạy đúng, đầy đủ nội dung theo thời gian đã phân bổ
Yêu cầu đối với sinh viên	Đảm bảo giờ tự học, đọc giáo trình và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên, tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học.
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia ít nhất 2/3 thời lượng giảng dạy của học phần, thực hành đầy đủ
Quy định về hành vi trong lớp học	Tích cực trong giờ học, tôn trọng giảng viên và các học viên khác
Quy định về học vụ	Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập (phòng học có máy chiếu, micro, bảng, phấn, wifi), ...
Các quy định khác	Thực hiện đúng nội quy nhà trường

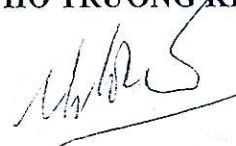
Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA





ThS. Đặng Thị Thơi

TS. Phan Trọng Nghĩa

TS. Đặng Thị Thanh Loan



TS. Đinh Anh Tuấn

2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	60%
---	------------------------------	---	--	------------------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đặng Thị Thơi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: dangthithoi@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0866503839.....

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Phong.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS
- Email: nguyenhoangphong@fbm.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 0907083689

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Diệu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS
- Email: tranthanhdieu@fbm.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0948048966

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyentientung@fbm.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0389967411

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Phạm thị Kiều Khanh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: phamkieukhanh@fbm.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 0905377562

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Đặng Nguyễn Bảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: dangnguyenbao@fbm.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 0914737799

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Phạm Ngọc Ánh.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: phamngocanh@fbm.edu.vn..... Điện thoại liên hệ: 0983276344

9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hiền.....

	7.3. Vốn kinh doanh của doanh nghiệp	
[15] [3 tiết]	Chương 7: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 7.4. Khấu hao tài sản cố định Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[16] [2 tiết]	Giải bài tập khấu hao TSCĐ chương 7 Ôn tập và hệ thống kiến thức	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập				40%
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
	Làm bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Làm bài tập nhóm được giao, thảo luận vấn đề được GV đưa ra (trước và trong buổi học). Các bài thuyết trình được giao, và thuyết trình trong quá trình thảo luận nhóm.	Giữa các chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10-12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%

	<p>4.4. Vai trò của tín dụng trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.5. Lãi suất tín dụng</p> <p>Bài tập lãi suất</p>	
[9] [3 tiết]	<p>Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG</p> <p>4.6. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất tín dụng</p> <p>4.7. Lãi suất ở Việt Nam</p> <p>Giải bài tập cuối chương</p> <p>Thảo luận về các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất và điều hành lãi suất ở Việt Nam.</p>	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	<p>Chương 5: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</p> <p>5.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại</p> <p>5.2. Chức năng của ngân hàng thương mại</p> <p>5.3. Các dịch vụ của ngân hàng thương mại</p>	CLO2, CLO5
[11] [3 tiết]	<p>Chương 5: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</p> <p>5.4. Các loại hình ngân hàng thương mại</p> <p>5.5. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại</p> <p>5.6. Tài sản của ngân hàng thương mại</p> <p>Thảo luận về các dịch vụ chính của NHTM và sự khác nhau giữa các hình thức tín dụng ngân hàng.</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	<p>Chương 6: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG</p> <p>6.1. Tổng quan về ngân hàng trung ương</p> <p>6.2. Giới thiệu về ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p>	CLO2, CLO5
[13] [3 tiết]	<p>Chương 6: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG</p> <p>6.3. Chính sách tiền tệ quốc gia</p> <p>Thảo luận về các công cụ của chính sách tiền tệ và thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	<p>Chương 7: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</p> <p>7.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</p> <p>7.2. Đặc điểm của tài chính doanh nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6

Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6
-------------------	--	------------------------

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ 1.1. Quá trình phát triển của tiền tệ 1.2. Chức năng của tiền tệ	CLO1, CLO5
[2] [3 tiết]	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ 1.3. Vai trò của tiền tệ trong nền kinh tế thị trường 1.4. Lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế 1.5. Giới thiệu một số đồng tiền phổ biến trên thế giới	CLO1, CLO5
[3] [3 tiết]	Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH 2.1. Khái niệm tài chính 2.2. Chức năng của tài chính	CLO1, CLO2, CLO5
[4] [3 tiết]	Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH 2.3. Hệ thống tài chính	CLO1, CLO2, CLO5
[5] [3 tiết]	Chương 3: LẠM PHÁT 3.1. Khái niệm, đo lường và phân loại lạm phát 3.2. Nguyên nhân gây ra lạm phát	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [3 tiết]	Chương 3: LẠM PHÁT 3.3. Tác động của lạm phát 3.4. Biện pháp khắc phục lạm phát Thảo luận	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG 4.1. Khái niệm tín dụng 4.2. Các hình thức tín dụng	CLO1, CLO5
[8] [3 tiết]	Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy ý thức đạo đức, ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	L
CO6	CLO6	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Hà Thanh Việt (2019), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Lao động - Xã hội [2]. Sừ Đình Thành (2012), <i>Nhập môn Tài chính – tiền tệ</i> , NXB Lao động - Xã hội.
Tài liệu tham khảo thêm:	[3] Cao Thị Ý Nhi, Đặng Tuấn Anh (2018), <i>Lý thuyết tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. [4] Nguyễn Hữu Tài (2009), <i>Lý thuyết tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. [5] Frederic S.Mishkin (2001), <i>Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	+ Các luật, quy định có liên quan. + Các bài báo trên các trang web của các tạp chí trong nước: Tạp chí Tài chính, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Phát triển kinh tế, các bài báo nước ngoài...

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

- Kỹ năng:

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng kiến thức để phân tích, đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về hoạt động tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính.

+ CO4: Có các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm, thuyết trình, trình bày các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ học trên lớp, chuẩn bị nội dung thảo luận và làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản của phạm trù tài chính và phạm trù tiền tệ, lãi suất tín dụng và hoạt động tín dụng trong nền kinh tế.	PLO2	L
CO2	CLO2	Hiểu được các kiến thức chung về thị trường và các trung gian tài chính, NHTM, NHTW, tài chính doanh nghiệp.	PLO2	L
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng được các lý thuyết về tài chính – tiền tệ để phân tích, đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn liên quan.	PLO8	L
CO4	CLO4	Có khả năng vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, trình bày các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.	PLO4	L
			PLO5	L

44. [1150107] Tài chính – Tiền tệ: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA TC-NH & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Mã học phần: 1150107

Tên tiếng Anh: Finance – Money

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ
- Mã học phần: 1150107 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô/Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 38 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 4 tiết
 - + Thực hành: 0 tiết
 - + Tự học: 90 tiết
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, lạm phát, lãi suất tín dụng.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về thị trường và các trung gian tài chính, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương và tài chính doanh nghiệp.